

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800373586 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007, cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 11/01/2022)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 110/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 4... năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../2022 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

Địa chỉ: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 02203 755 997, 02203 755 998

Website: <https://anphatbioplastics.com/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3377 6699

Website: <https://sbsi.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Đoàn Việt Khương Chức vụ: Trưởng phòng quản lý và hỗ trợ thông tin

Điện thoại: 02203 755 997, 02203 755 998

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800373586 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007, cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 11/01/2022)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
Loại cổ phiếu	: cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/ cổ phiếu
Giá khởi điểm bán đấu giá	: 12.000 đồng/ cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	: 100.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội

Điện thoại : +84 24 3831 5100

Website : www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ : Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 024 3377 6699

Website : <https://sbsi.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1. Tổ chức phát hành	5
2. Tổ chức tư vấn	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro đặc thù	8
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	10
5. Rủi ro pha loãng	11
6. Rủi ro quản trị Công ty	12
7. Rủi ro khác.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	14
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	17
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	18
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	23
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	26
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	32
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	32
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	33
10. Hoạt động kinh doanh.....	33
11. Chính sách đối với người lao động.....	69
12. Chính sách cổ tức	71
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	72
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	75
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	76
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	76
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	76
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	76
2. Tình hình tài chính.....	79
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	86
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	87

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	89
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	89
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	89
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	90
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	108
1. Loại cổ phiếu	108
2. Mệnh giá cổ phiếu	108
3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán.....	108
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	108
5. Giá chào bán dự kiến	108
6. Phương pháp tính giá.....	108
7. Phương thức phân phối.....	110
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	112
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	113
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	114
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	114
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	114
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	114
14. Các loại thuế có liên quan	114
15. Thông tin về các cam kết.....	115
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	116
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	116
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	116
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	118
1. Tổ chức kiểm toán	118
2. Tổ chức tư vấn.....	118
3. Ý kiến của tổ chức tư vấn.....	119
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	119
XII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	119
XIII. PHỤ LỤC.....	122

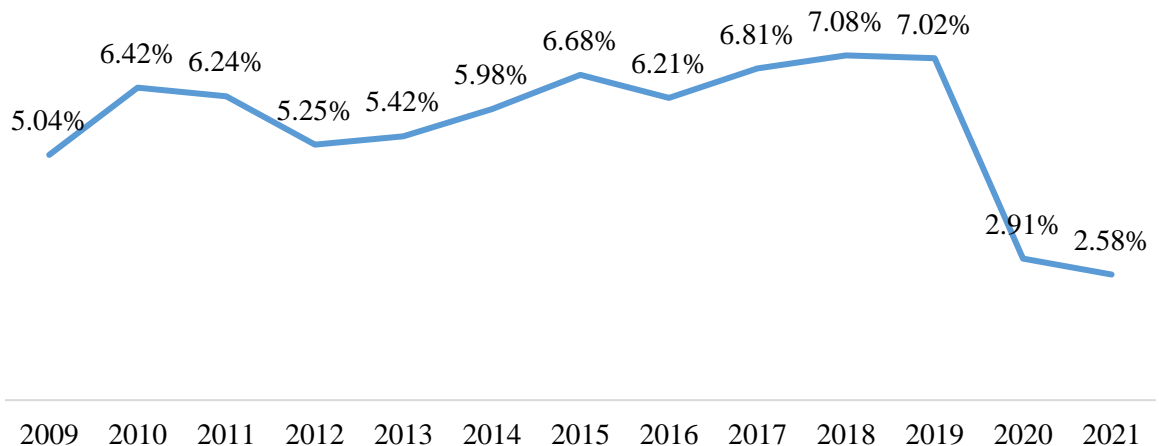
DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/12/2021.....	32
Bảng 2: Sản lượng tại các nhà máy sản xuất bao bì nhựa	47
Bảng 3: Sản lượng tại các nhà máy sản xuất hạt nhựa	48
Bảng 4: Doanh thu công ty mẹ các năm.....	48
Bảng 5: Doanh thu hợp nhất các năm.....	49
Bảng 6: Lợi nhuận gộp công ty mẹ các năm	49
Bảng 7: Lợi nhuận gộp hợp nhất các năm	50
Bảng 8: Sản lượng sản phẩm, tỷ lệ trong doanh thu, lợi nhuận.....	50
Bảng 9: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/03/2022	51
Bảng 10: Tài sản cố định hợp nhất tại thời điểm 31/03/2022.....	51
Bảng 11: Danh sách đất đai, nhà xưởng của Công ty.....	52
Bảng 12: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động	53
Bảng 13: Cơ cấu lợi nhuận gộp Hợp nhất theo thị trường hoạt động.....	53
Bảng 14: Danh mục tài sản cố định hữu hình hợp nhất tại ngày 31/03/2022.....	54
Bảng 15: Các khoản đầu tư vào Công ty con	54
Bảng 16: Các hợp đồng lớn	55
Bảng 17: Khách hàng của Công ty	58
Bảng 18: Nhà cung cấp của Công ty	58
Bảng 19: Một số chỉ tiêu tình hình hoạt động kinh doanh Công ty mẹ.....	67
Bảng 20: Một số chỉ tiêu tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất	67
Bảng 21: Cơ cấu lao động Công ty.....	69
Bảng 22: Tỷ lệ chi trả cổ tức	72
Bảng 23: Phương án sử dụng vốn đã được công bố	73
Bảng 24: Phương án sử dụng vốn được điều chỉnh.....	74
Bảng 25: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	75
Bảng 26: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh Công ty mẹ	76
Bảng 27: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	77
Bảng 28: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu Công ty mẹ	79
Bảng 29: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu hợp nhất.....	79
Bảng 30: Tình hình các khoản phải thu Công ty mẹ	80
Bảng 31: Tình hình các khoản phải thu hợp nhất.....	80
Bảng 32: Tình hình các khoản nợ phải trả Công ty mẹ	81
Bảng 33: Tình hình các khoản nợ phải trả hợp nhất.....	82
Bảng 34: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước công ty mẹ.....	83
Bảng 35: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất.....	83
Bảng 36: Số dư các quỹ Công ty mẹ	84
Bảng 37: Số dư các quỹ hợp nhất.....	84
Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ	85
Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất	85
Bảng 40: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	117

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm	6
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm.....	7
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	17
Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý.....	18
Hình 5: Túi sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco.....	34
Hình 6: Găng tay sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco.....	34
Hình 7: Màng phủ nông nghiệp sinh học phân hủy hoàn toàn	35
Hình 8: Quy trình sản xuất bao bì màng mỏng.....	39
Hình 9: Quy trình sản xuất bao bì công nghiệp.....	40
Hình 10: Hạt phụ gia PE	40
Hình 11: Hạt phụ gia PP	41
Hình 12: Bột đá CaCO ₃	41
Hình 13: Hạt màu	41
Hình 14 : Quy trình sản xuất bột đá.....	43
Hình 15: Quy trình sản xuất hạt nhựa phụ gia.....	44
Hình 16: Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	45
Hình 17: Quy hoạch Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1.....	45
Hình 18: Ngành nghề ưu tiên tại Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	46
Hình 19: Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát.....	46
Hình 20: Kết quả kinh doanh các doanh nghiệp ngành nhựa năm 2020, 2021	60
Hình 21: Sản lượng nhựa sinh học toàn cầu giai đoạn 2018-2024.....	62
Hình 22: Đại diện Công ty tại Hội nghị các giải pháp về chất thải nhựa khu vực biển Đông Nam Á.....	65
Hình 23: ANECO đồng hành cùng người tiêu dùng vì một thế giới xanh.....	65

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong nước, Tổng cục Thống kê ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Mặc dù kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại do dịch covid-19 kéo dài, song Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) lạc quan về triển vọng trung và dài hạn của kinh tế Việt Nam¹. Tăng trưởng có thể được hỗ trợ bởi sự phục hồi của cầu nội địa, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, mở rộng hoạt động sang các thị trường xuất khẩu mới do các hiệp định thương mại mang lại, và sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu.

Kinh tế tăng trưởng thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm nói chung, các sản phẩm nhựa nói riêng, qua đó tăng nhu cầu tiêu thụ đối với sản phẩm Công ty cung cấp.

1.2 Lạm phát

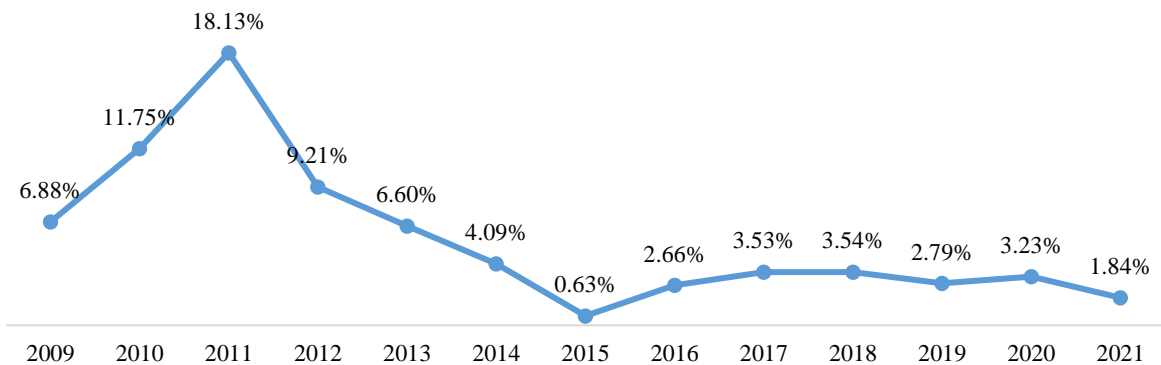
Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường.

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế. Từ năm 2015 trở lại đây tỷ lệ lạm phát tương đối ổn định, duy trì ở mức thấp: lạm phát duy trì dưới mức 4%, do chỉ đạo, điều hành

¹ <https://www.adb.org/vi/news/viet-nam-economy-slow-down-covid-19-adb-bullish-economic-growth-medium-longer-term>

của Chính phủ. Theo Tổng cục Thống kê, bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, đây là mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng vốn vay từ các ngân hàng thương mại nên lãi suất biến động sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Những bất ổn về lạm phát và lãi suất (2008 – 2010) đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế, là bài học kinh nghiệm cho Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong việc điều hành chính sách tài chính, tiền tệ hiện nay của Chính phủ là đảm bảo ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Do vậy, rủi ro lãi suất tăng đột biến sẽ khó có thể xảy ra trong thời gian tới.

Lãi suất cho vay doanh nghiệp những năm qua tương đối ổn định và duy trì ở mức thấp, phổ biến ở mức 7% – 8%/năm. Qua đó giảm chi phí lãi vay, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

1.4 Rủi ro về tỷ giá

Với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, dòng vốn đầu tư nước ngoài đầu tư mạnh mẽ vào thị trường Việt Nam giúp tăng nguồn cung ngoại tệ, giá trị đồng tiền Việt Nam có mức ổn định cao trong điều kiện nền kinh tế thế giới có nhiều biến động.

Khi thị trường trong nước xuất hiện biến động tỷ giá lớn, Ngân hàng Nhà nước sẵn sàng có những động thái can thiệp thị trường với cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết giúp tình hình tỷ giá những năm qua biến động trong phạm vi nhất định, không gây ra ảnh hưởng quá lớn tới doanh nghiệp và nền kinh tế.

Tỷ giá ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trên các khía cạnh nhập khẩu và xuất khẩu. Các nguyên vật liệu đầu vào hầu hết được Công ty nhập khẩu từ nước ngoài do thị trường trong nước chưa đáp ứng được nguồn nguyên vật liệu này, việc tỷ giá biến động có thể tác động trực tiếp lên chi phí sản xuất. Tuy nhiên, xuất khẩu chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty, được các đối tác khách hàng thanh toán bằng ngoại tệ, giúp giảm thiểu tối đa các rủi ro về biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Sự thay đổi về chính sách, luật pháp như luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của ngành và Công ty. Tuy nhiên, rủi ro luật pháp là rủi ro hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành nhựa hiện được coi là một trong những ngành nghề mũi nhọn, được khuyến khích phát triển. Cụ thể, Nhà nước đã có những chính sách tạo thuận lợi cho ngành như:

Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/04/2007 phê duyệt danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007 - 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và một số chính sách khuyến khích phát triển. Theo đó, ngành nhựa nằm trong danh mục các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển.

Quyết định của Bộ Công thương số 2992/QĐ-BCT ngày 17/06/2011 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với các mục tiêu tổng quát:

- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững;
- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao, để ngành Nhựa Việt Nam phát triển ngang tầm với khu vực và trên thế giới.

3. Rủi ro đặc thù

Hiện nay, ngành nghề kinh doanh chủ đạo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là sản xuất bao bì màng mỏng và các Công ty con hoạt động trong các lĩnh vực bao bì công nghiệp, nguyên vật liệu ngành nhựa, bất động sản khu công nghiệp, logistics... Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi những yếu tố đặc thù của các lĩnh vực mà Công ty đang tham gia hoạt động.

3.1 Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa

a) Rủi ro về cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành

Lĩnh vực sản xuất bao bì có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Số lượng các doanh nghiệp mới gia nhập ngành nhiều, tuy nhiên khác biệt về sản phẩm không lớn, vòng đời sản phẩm ngắn. Đòi hỏi các doanh nghiệp phải tìm các hướng đi mới, sáng tạo để tồn tại và phát triển.

Với ưu điểm sản phẩm chất lượng cao và uy tín, Công ty xuất khẩu phần lớn các sản phẩm bao bì tới các thị trường nước ngoài như Châu Âu, Nhật Bản, châu Mỹ ...

Với trình độ công nghệ sản xuất hiện đại, sản phẩm đạt chất lượng cao và thân thiện

với môi trường, mối quan hệ truyền thống lâu dài với các đối tác, sản phẩm của Công ty đã được kiểm nghiệm chất lượng tại các thị trường nước ngoài, có khả năng cạnh tranh với các nhà sản xuất từ các nước khác.

Do thị trường xuất khẩu đóng vai trò chủ yếu, rủi ro hàng giả, hàng kém chất lượng trong nước ít ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín thương hiệu của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã đưa ra dòng sản phẩm sản xuất từ các vật liệu sinh học và có khả năng phân hủy 100% trong thời gian từ 6 đến 12 tháng nhằm giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường, phù hợp với thị hiếu và chính sách khuyến khích của các nước phát triển, gia tăng tiềm năng phát triển của Công ty.

b) Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu nhập khẩu

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, ngành nhựa Việt Nam phải nhập khẩu 80 – 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất, nguyên liệu chiếm khoảng 75% – 80% giá thành của sản phẩm. Giá nhập khẩu nguyên liệu nhựa phụ thuộc giá dầu, khí thiên nhiên, than đá trên thế giới; khi có sự thay đổi của những yếu tố trên sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhựa, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các doanh nghiệp trong ngành chịu sự ảnh hưởng lớn từ rủi ro này, vì khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng nhưng các doanh nghiệp khó có thể điều chỉnh giá bán ra tăng tương ứng cùng thời điểm vì các hợp đồng đã ký trước với khách hàng. Việc không chủ động được nguyên liệu đầu vào là một hạn chế lớn đối với ngành nhựa Việt Nam. Các nhà sản xuất trong nước cũng thiết lập giá bán dựa trên mặt bằng bình quân giá nguyên liệu trên thế giới vì nguyên liệu đầu vào của các nhà sản xuất cũng phải nhập khẩu.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào, Công ty đã đưa ra một số biện pháp như:

- Tăng cường thiết lập mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp, đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu để đảm bảo sự ổn định về số lượng, giá cả;
- Tìm kiếm nguyên vật liệu mới có tính năng tương đương;
- Mua nguyên liệu hàng tháng theo đơn đặt hàng của khách hàng; giảm tích trữ hàng tồn kho nhằm kiểm soát chi phí đầu vào tốt hơn;
- Tự chủ nguồn nguyên liệu: nguyên vật liệu để sản xuất gồm hạt nhựa nguyên sinh và chất phụ gia, trong đó CaCO_3 là một chất phụ gia quan trọng. Hiện Công ty có nhà máy sản xuất phụ gia CaCO_3 tại Yên Bái, giúp công ty tự chủ nguồn nguyên liệu phụ gia quan trọng này. Đồng thời Công ty có kế hoạch đầu tư nhà máy sản xuất nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao nhằm tự chủ nguồn nguyên liệu nhựa sinh học.

3.2 Rủi ro trong hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp

Hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp cũng tiềm ẩn rủi ro, gồm rủi ro thị trường tiêu thụ và rủi ro vận hành.

Rủi ro thị trường tiêu thụ là việc không cho thuê hết, không lấp đầy hết khu công nghiệp do không đủ nhu cầu;

Rủi ro vận hành là rủi ro phát sinh trong việc vận hành hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp như: rủi ro không đảm bảo chất lượng an toàn lao động cho lao động trong khu công nghiệp, rủi ro cháy nổ, rủi ro thiên tai ảnh hưởng đến việc vận hành.

Với mục tiêu thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Công ty đã thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có quy trình vận hành đảm bảo quản lý tốt các rủi ro phát sinh.

3.3 Rủi ro trong cung cấp dịch vụ vận tải

Dịch vụ vận tải là một trong những mắt xích quan trọng nằm trong chuỗi cung ứng, giúp cho các hoạt động lưu thông, chuyên chở hàng hóa được thực hiện nhanh chóng, đưa sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đến khách hàng.

Một trong những rủi ro đối với vận tải nội địa hiện nay là nguồn cung cấp dịch vụ vận tải tăng nhanh, tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh, giá cước vận chuyển hàng hóa thị trường thấp kỷ lục.

Mặt khác, ngành thường xuyên đối mặt với rủi ro về tai nạn, rủi ro thời tiết gây thiệt hại đến người, phương tiện vận chuyển và hàng hóa. Con người cũng là nguyên nhân gây ra rủi ro cho hàng hóa khi vận tải như: mất cắp, thiếu hụt hay không giao hàng do danh động phi pháp của người thực hiện vận tải.

Để giảm thiểu những rủi ro về cạnh tranh, Công ty tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ. Cụ thể, dịch vụ vận tải của Công ty có hệ thống đại lý quốc tế, uy tín toàn cầu đảm bảo thuận lợi cho việc giao hàng, làm thủ tục hải quan, lưu kho bãi cũng như vận chuyển hàng hóa đúng thời gian, nhanh nhất và thuận tiện nhất. Công ty có văn phòng riêng cạnh sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và Nội Bài đảm bảo các dịch vụ giao nhận, khai báo Hải quan và vận chuyển hàng không một cách thuận tiện. Ngoài ra, Công ty đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các hãng hàng không trên cơ sở tận dụng thế mạnh riêng của mỗi hãng nhằm mang lại hiệu quả cao nhất như giá cả cạnh tranh, khả năng vận chuyển tốt đặc biệt trong mùa cao điểm.

Với đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, có trách nhiệm, có kinh nghiệm vận tải lâu năm, cùng hệ thống quy trình kiểm tra giám sát chặt chẽ, các rủi ro do tai nạn và rủi ro liên quan đến con người được kiểm soát tốt.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán được thực hiện trong giai đoạn thị trường đang có nhiều bất ổn do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên quy mô toàn thế giới, kinh tế biến động, chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu bị gián đoạn. Trong điều kiện thị trường như vậy, có khả năng xảy ra rủi ro cổ phiếu không được chào bán hết.

Để giảm thiểu rủi ro này, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức đấu giá công khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với giá khởi điểm bán đấu giá là 12.000 đồng/cổ phiếu. So với mức giá cổ phiếu AAA đang giao dịch trên thị trường, Công ty đánh giá mức giá chào bán này có tính khả thi cao.

Trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống hoặc trong trường hợp giá cổ phiếu AAA giảm xuống dưới vùng giá khởi điểm bán đấu giá khiến các cổ đông có thể không thực hiện mua cổ phiếu theo phương thức đấu giá công khai thì số lượng cổ phiếu không bán hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị Công ty phân phối cho các đối tượng khác với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công bình quân.

4.2 *Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán*

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích:

- Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng; nợ trái phiếu;....)
- Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước hoạt động sản xuất;...); và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty (chi phí nhân công;.....).

Việc này có thể xảy ra rủi ro là không thu được tiền hoặc không thu được đủ tiền cần thiết để Trả nợ vay, Bổ sung vốn lưu động nêu trên. Việc trả nợ vay, bổ sung vốn lưu động là những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục, nên có thể xảy ra rủi ro về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đánh giá rủi ro về khả năng hoạt động liên tục của Công ty khi không thu được đủ vốn thu được là thấp do:

Theo các báo cáo tài chính công ty mẹ, hợp nhất từng thời điểm: chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn luôn lớn hơn chỉ tiêu Nợ ngắn hạn. Công ty luôn duy trì các khoản nợ trong ngưỡng an toàn, các tài sản đủ để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Số tiền huy động trong đợt chào bán lần này được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động chiếm một tỷ lệ thấp (0,005%) trong tỷ trọng doanh thu hợp nhất lũy kế đến quý gần nhất (theo BCTC hợp nhất quý 4.2021, doanh thu thuần năm 2021 Công ty là 13.154 tỷ đồng). Do vậy, trong trường hợp Công ty không thu được đủ số tiền dự kiến, Công ty có thể sử dụng nguồn vốn tự có (doanh thu, lợi nhuận thu được ...) để tài trợ cho mục đích sử dụng vốn nêu trên.

Đồng thời, căn cứ kết quả chào bán thực tế, Công ty sẽ chủ động phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty và đảm bảo lợi ích cổ đông. Việc thay đổi Phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan và bảo đảm quyền lợi của Cổ đông.

Ngoài ra, để đảm bảo khả năng thanh toán, kiểm soát xảy ra rủi ro về khả năng hoạt động liên tục, Công ty có chủ trương giảm tỷ lệ vay nợ, mà đợt chào bán lần này cũng nằm trong kế hoạch trên.

5. Rủi ro pha loãng

5.1 *Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán*

Do Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương thức đấu giá công khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, nên giá cổ phiếu AAA sẽ

không bị điều chỉnh kỹ thuật sau khi chào bán.

5.2 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được điều chỉnh như sau:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty đạt kết quả kinh doanh tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

5.3 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

5.4 Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Nếu cổ đông hiện hữu không tham gia đấu giá trong đợt phát hành lần này, tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu có thể sẽ bị giảm.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt, chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị.

Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, dự kiến sau đợt chào bán lần này, vốn điều lệ Công ty dự kiến tăng lên, có thể xảy ra rủi ro về quản trị công ty khi quy mô về vốn của Công ty tăng nhanh sau đợt chào bán.

Quy mô về vốn của Công ty tăng nhanh, tuy nhiên việc này nằm trong kế hoạch quản trị về vốn của Công ty nhằm giảm tỷ trọng vay nợ, giảm chi phí lãi vay, tăng lợi nhuận, tăng khả năng thanh toán. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao tình hình thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty, tận dụng tối đa lợi thế về vốn tăng lên nhằm đưa ra các biện pháp quản trị kinh doanh hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của nền kinh tế cũng như Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Tổ chức phát hành:** Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“AAA”)
- 2. Điều lệ:** Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- 3. Vốn điều lệ:** là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- 4. Cổ phần:** vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- 5. Cổ phiếu:** chứng chỉ do Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định pháp luật: luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty/ AAA/ Nhựa An Phát Xanh : Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- BCTC : Báo cáo tài chính
- GDP : Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm nội địa
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP : Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Tên viết tắt : AN PHAT BIOPLASTICS.,JSC
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài : An Phat Bioplastics Joint Stock Company
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800373586 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007, cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 11/01/2022

- Địa chỉ trụ sở chính : Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Số điện thoại : 02203 755 997, 02203 755 998
- Vốn điều lệ : 3.264.344.960.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Lê Trung – Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu : AAA
- Sàn niêm yết : HSX
- Ngành nghề kinh doanh :

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;	4299
2	Sản xuất các sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa (PP, PE);	2220 (chính)
3	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ ngành nhựa	2829
4	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Mua bán hàng may mặc	4641
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ ngành nhựa	4659
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì các loại	4669

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (tên cũ là Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát) được thành lập ngày 09/03/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng và là thành viên của Hiệp hội nhựa Việt Nam, thành viên của Hiệp hội những nhà sản xuất sản phẩm lớn Quốc tế (APS). Với nguồn cán bộ, nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, cùng hơn 1.900 công nhân lành nghề, Công ty đang phấn đấu nỗ lực hết mình, không ngừng cải thiện dây chuyền kỹ thuật, công nghệ sản xuất để trở thành doanh nghiệp sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Đông Nam Á. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tóm tắt như sau:

- **Tháng 09/2002:** Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập.

- **Tháng 04/2004:** Trước sự tăng trưởng nhanh chóng về quy mô thị trường và nhu cầu sản xuất, Công ty đã thuê 10.000 m² đất tại Khu công nghiệp Nam Sách để đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đây là nhà máy sản xuất số 1 của Công ty. Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 2005 với công suất 14.400 tấn/năm đã chiếm lĩnh được thị trường và đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất miền Bắc.
- **Tháng 06/2005:** UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận cho Công ty thuê 19.967 m² đất tại lô CN3 cụm Công nghiệp An Đồng trong thời gian 25 năm. Công ty đã đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa số 2.
- **Năm 2007:** Chuyển đổi Công ty thành Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát, đăng ký với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
- **Tháng 02/2008:** Công ty đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 14.400 tấn/năm, xây dựng tại Lô CN3 – Cụm Công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương đi vào hoạt động.
- **Tháng 09/2009:** Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng 14.400 tấn/năm.
- **Tháng 11/2009:** Công ty chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát thành Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động “sản xuất xanh, bền vững, bảo vệ môi trường”.
- **Tháng 06/2010:** Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát được UBCKNN chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.
- **Tháng 07/2010:** Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.
- **Tháng 10/2010:** Nhà máy sản xuất CaCO₃ của Công ty chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất số 2, nâng công suất của Nhà máy đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm, đồng thời xúc tiến xin phép khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất tại mỏ đá Mông Sơn tỉnh Yên Bái.
- **Tháng 08/2011:** Nhà máy sản xuất số 2 mở rộng của An Phát đi vào hoạt động, nâng công suất của toàn nhà máy 2 lên 22.800 tấn sản phẩm/năm.
- **Tháng 12/2013:** Nhà máy sản xuất số 5 hoàn thành và đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy được xuất khẩu sang Nhật Bản.
- **Tháng 11/2016:** Sau hơn 6 năm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, AAA đã chuyển sang sàn HOSE. Đây được xem là một bước tăng cơ hội tiếp cận các nguồn vốn đầu tư của AAA.

- **Năm 2017:** Hoàn thành và đưa vào vận hành Nhà máy 6 cho thị trường Nhật Bản và Nhà máy 7 cho thị trường Hoa Kỳ, nâng tổng công suất sản xuất bao bì của AAA lên 100.000 tấn/năm.
Nhà máy sản xuất hạt phụ gia nhựa của Công ty với công suất 96.000 tấn/năm được đưa vào vận hành.
- **Năm 2018:** Đầu tư sở hữu 100% vốn điều lệ tại Công ty con – Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát.
Công ty thực hiện ra mắt các sản phẩm bao bì thân thiện môi trường tại thị trường Việt Nam dưới thương hiệu ANECO và Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát hoàn thiện các thủ tục đầu tư, bước đầu đi vào vận hành.
- **Năm 2019:** Công ty bắt đầu khởi công xây dựng Nhà máy 8.
Công ty chính thức đổi tên thành CTCP Nhựa An Phát Xanh, khẳng định quyết tâm trở thành doanh nghiệp xanh.
- **Năm 2020:** Công ty đầu tư vào công ty con CTCP Nhựa Bao bì An Vinh, chuyên sản xuất các loại bao bì công nghiệp với công suất 12.000 tấn/năm.
Trong quá trình hoạt động, phát triển, Công ty đã nhận được nhiều Quyết định khen thưởng, giải thưởng như:
 - **Năm 2009:**
 - Được Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế tặng bằng khen theo Quyết định số 054 ngày 31/08/2009;
 - Được UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen theo Quyết định số 3569 ngày 07/10/2009.
 - **Năm 2010:** Được Ban Truyền hình đối ngoại - Đài THVN tặng bằng khen theo Quyết định số 05 ngày 29/01/2010
 - **Năm 2011:**
 - Được Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tặng bằng khen theo Quyết định số 155B/QĐ/KT-TWH ngày 23/12/2011;
 - Được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng bằng khen theo Quyết định số 0431/MTM-TDKD ngày 2/3/2011;
 - Được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương tặng bằng khen theo Quyết định số 17 ngày 14/01/2011;
 - Được Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương tặng Cờ thi đua theo Quyết định số 159/QĐKT- LĐLĐ ngày 16/12/2011.
 - **Năm 2012:** Được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc năm 2012.
 - **Năm 2013:**
 - Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách trao tặng chứng nhận số 92/QĐ-UBND Chứng nhận Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đạt danh hiệu doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự năm 2012;
 - Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen 867/QĐ-UBND cho Công ty Cổ

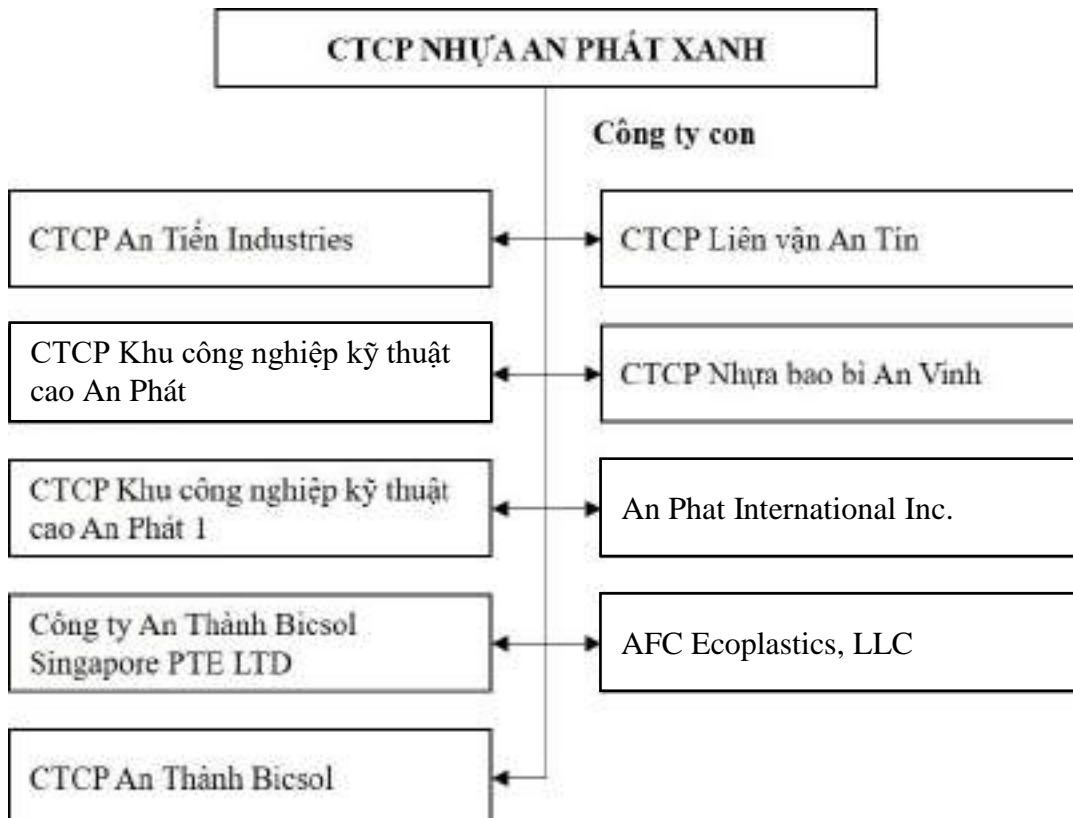
phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đã có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- **Năm 2014:** Bộ Công thương tặng bằng khen số 6546/QĐ-BCT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đã có thành tích xuất sắc trong công tác đẩy mạnh xuất khẩu năm 2013.
- **Năm 2018:** AAA lọt Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất nhất Việt Nam (VNR500), Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc Việt Nam (50 Vietnam Best Growth) do VNR và báo Vietnamnet trao tặng.
- **Năm 2019:** AAA lọt Top các Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công thương bình chọn; nhận Giải vàng Chất lượng Quốc gia.
- **Năm 2020:** AAA tiếp tục lọt Top các Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công thương bình chọn, Top 63/500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 30 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam.
- **Năm 2021:** AAA và 03 công ty con là CTCP An Tiến Industries (HII), CTCP An Thành Bicsol và CTCP Nhựa bao bì An Vinh đều lọt vào danh sách Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công thương bình chọn.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành, Điều lệ tổ chức hoạt động và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay gồm các công ty con cụ thể như sau:

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty

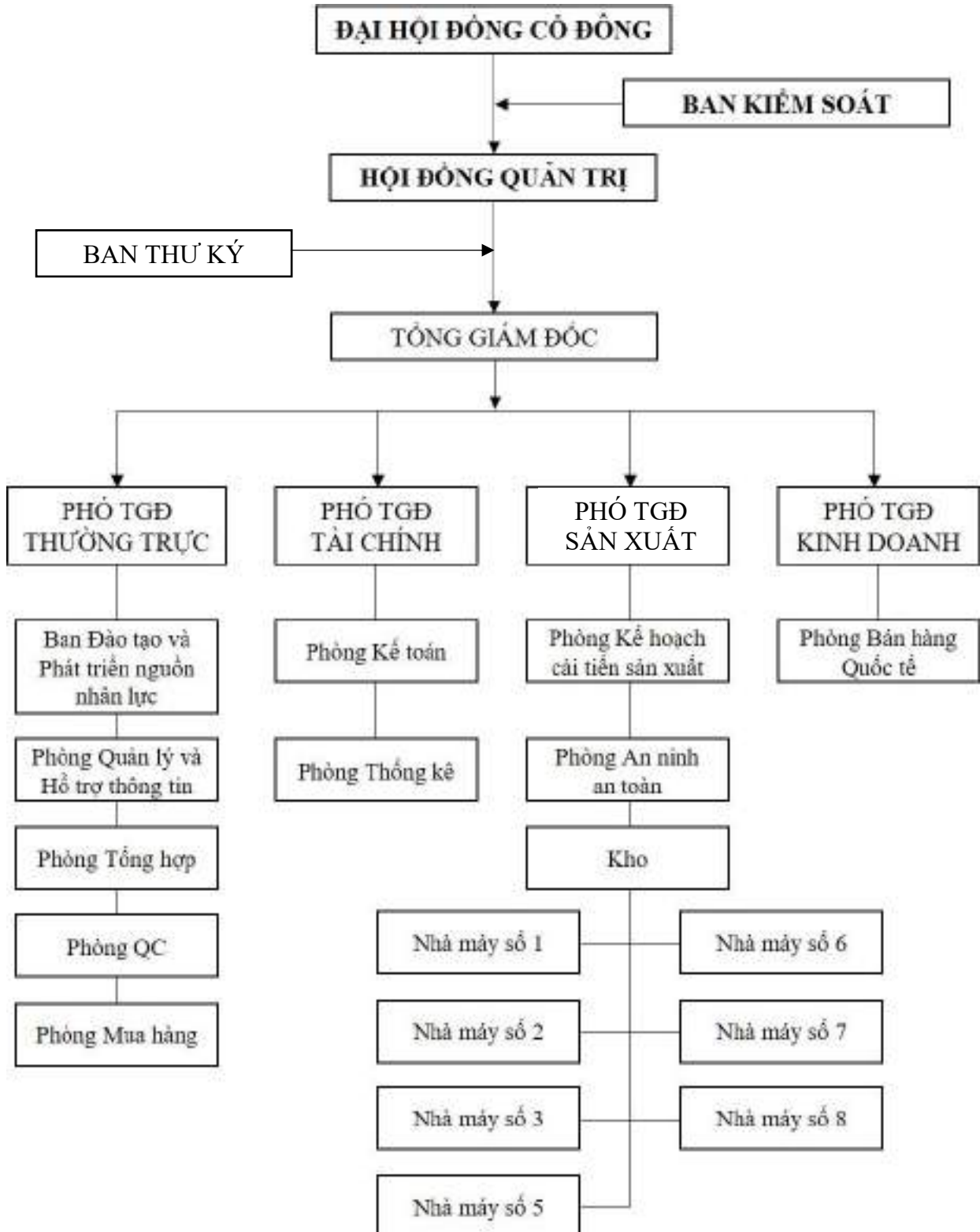


Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty đang áp dụng mô hình tổ chức của Công ty cổ phần, mô hình này được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển của Công ty, tuân thủ quy định pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty. Trải qua quá trình phát triển, cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

4.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần; và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm; miễn nhiệm; cách chức; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc tài chính;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định việc phát hành trái phiếu thường (trái phiếu không chuyển đổi) theo thẩm quyền; đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.4 Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định đầu tư, bán tài sản có giá trị dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.5 Chức năng các phòng ban

a) Ban Thư ký

Ban thư ký có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Ban thư ký có chức năng tập hợp các yêu cầu, đề xuất của các bộ phận gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, thực hiện các thủ tục về quản lý cổ đông, pháp chế của Công ty.

b) Phòng Bán hàng quốc tế

Phòng bán hàng quốc tế chịu trách nhiệm tìm kiếm các khách hàng quốc tế, đối tác, thị trường tiêu thụ để thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu Ban Tổng Giám đốc đưa ra. Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các công tác liên quan đến sản xuất kinh doanh.

c) Phòng Kế toán

Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Phòng Kế toán có nhiệm vụ:

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của Công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước;

d) Phòng Thống kê

Phòng Thống kê chịu trách nhiệm công tác kiểm kê hàng hóa, nguyên vật liệu và thành phẩm sản xuất hàng tháng, hàng quý; thực hiện kiểm hàng các đơn hàng với khách hàng nếu có phát sinh yêu cầu; theo dõi và cung cấp báo cáo sản lượng hàng ngày cho các tổ; duyệt phiếu nhập – xuất; theo dõi thu chi của các Nhà máy;....

e) Phòng Kế hoạch cải tiến sản xuất

Phòng kế hoạch cải tiến sản xuất thực hiện công tác thu mua nguyên liệu, công cụ, dụng cụ và các trang thiết bị khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

f) Phòng An ninh an toàn

Phòng An ninh an toàn có trách nhiệm bảo vệ tất cả các loại tài sản và bảo vệ trật tự an ninh của Công ty; bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản của cán bộ, công nhân viên của Công ty khi bị xâm phạm trong khu vực Công ty.

g) Kho

Bộ phận Kho phụ trách công tác nhập thành phẩm, phế từ sản xuất; xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vào sản xuất; nhập xuất nội bộ, bán hạt nhựa và quản lý hàng tồn kho.

h) Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực

Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên.

i) Phòng Quản lý và Hỗ trợ thông tin

Phòng Quản lý và Hỗ trợ thông tin chịu trách nhiệm về việc đảm bảo vận hành của hệ thống thông tin: hệ thống điện thoại, hệ thống internet, hệ thống mạng wan, hệ thống mạng lan, các máy chủ, máy trạm. Tư vấn và triển khai giải pháp công nghệ thông tin ứng dụng phù hợp vào môi trường thực tế. Chịu trách nhiệm về việc cập nhật thông tin hoạt động của công ty trên các trang điện tử, công bố thông tin tới UBCK và HOSE theo quy định.

j) Phòng Tổng hợp

Phòng Tổng hợp thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Ngoài ra, có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty. Nhiệm vụ của Phòng Tổng hợp:

- Lập danh sách người lao động trong công ty; giúp Tổng Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty...

k) Phòng Mua hàng

Phòng Mua hàng có trách nhiệm thực hiện công tác tìm kiếm phát triển nhà cung cấp

vật tư, nguyên liệu; thực hiện công tác đàm phán giá cả với các nhà cung cấp để có được mức giá hợp lý dựa theo giá cả thị trường; tiếp nhận nhu cầu mua hàng của các bộ phận liên quan và tiến hành đặt đơn hàng gửi nhà cung cấp; thực hiện soạn thảo hợp đồng mua bán, hợp đồng nguyên tắc; theo dõi tiến độ giao hàng của nhà cung cấp để đáp ứng lịch sản xuất của các nhà máy; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh về hàng hóa với các nhà cung cấp như các vấn đề liên quan đến chất lượng, tiến độ giao hàng;... để đảm bảo việc sản xuất được thông suốt.

l) Phòng Kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC)

Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

m) Các nhà máy sản xuất

Các nhà máy sản xuất của Công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của Công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, QC, Kỹ thuật, Kho vận, an ninh an toàn. Điều hành mỗi nhà máy sản xuất là 1 Giám đốc nhà máy.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01/03/2022
- Hoạt động kinh doanh chính: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings tại Công ty: 48,70%

- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings tại Công ty: 48,70%

5.2 Thông tin về công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a. Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 08/03/2022
- Hoạt động kinh doanh chính : Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 50,51%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 50,51%

b. Công ty cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801225485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/10/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 17/01/2022
- Hoạt động kinh doanh chính : Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 92,02%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 92,02%

c. Công ty cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801298395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25/09/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24/06/2021
- Hoạt động kinh doanh chính : Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 46,93%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 51%

d. An Thanh Bicsol Singapore PTE, Ltd

- Tên Công ty : An Thanh Bicsol Singapore PTE, Ltd
- Địa chỉ : Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 201720061M
- Hoạt động kinh doanh chính : Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 50,51%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 100%

e. Công ty cổ phần An Thành Bicol

- Tên Công ty : Công ty cổ phần An Thành Bicol
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801208793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/04/2019
- Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh hạt nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 65,10%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 99,37%

f. Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín
- Địa chỉ : Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801177672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 16/03/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/09/2020
- Hoạt động kinh doanh chính : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 50,01%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 99%

g. Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh
- Địa chỉ : Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801235451 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/12/2017, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 17/06/2020
- Hoạt động kinh doanh chính : sản xuất bao Jumbo, Sling, túi PP các loại
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 97,04%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 97,04%

h. An Phat International, Inc.

- Tên Công ty : An Phat International, Inc
- Địa chỉ : 10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 803302611 ngày 26/04/2019 tại Texas, Hoa Kỳ
- Hoạt động kinh doanh chính : Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 99,999%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 100%

i. AFC EcoPlastics, LLC

- Tên Công ty : AFC EcoPlastics, LLC
- Địa chỉ : PO Box 1831 Austin, Texas 78767, USA
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 803680617 ngày 08/07/2019 tại Texas, Hoa Kỳ
- Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh hạt nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 74,999%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 75%

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty TNHH vào tháng 09/2002 với vốn điều lệ là 500 triệu đồng. Ngày 09/03/2007 Công ty chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Trải qua quá trình phát triển, vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 3.264.344.960.000 đồng, quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần như sau:

6.1 Tăng vốn lần 1

- Tháng 4/2007 tăng vốn từ 30 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết số 1403/2007/QĐ-ĐHĐ của ĐHĐCĐ ngày 14/03/2007

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 30.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau đợt chào bán: 60.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần chào bán thành công: 3.000.000 cổ phần

6.2 Tăng vốn lần 2

- Tháng 12/2007 tăng vốn từ 60 tỷ đồng lên 66 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết số 3011/2007/QĐ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 30/11/2007
- Cơ quan chấp thuận đợt chào bán cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 60.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau đợt chào bán: 66.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 40.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần chào bán thành công: 600.000 cổ phần

6.3 Tăng vốn lần 3

- Từ tháng 04/2009 đến tháng 05/2010 tăng vốn từ 66 tỷ đồng lên 99 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 1704/2010/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 17/04/2010
- Cơ quan chấp thuận đợt chào bán cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 66.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau đợt chào bán: 99.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 37.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ chào bán: 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phần được mua thêm 1 cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần chào bán thành công: 3.300.000 cổ phần

6.4 Tăng vốn lần 4

- Ngày 26/11/2012 tăng vốn từ 99 tỷ đồng lên 198 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1106/2012/NQ- ĐHĐCĐ ngày 11/06/2012
- Cơ quan chấp thuận đợt chào bán cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 99.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau đợt chào bán: 198.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 12.000 đồng/cổ phần

- Tỷ lệ chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được mua thêm 1 cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần chào bán thành công: 9.900.000 cổ phần

6.5 Tăng vốn lần 5

- Ngày 13/10/2014 tăng vốn từ 198 tỷ đồng lên 396 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014 số 0105/2014/NQ-ĐHĐ ngày 01/05/2014
- Cơ quan chấp thuận đợt chào bán cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Hưng
- Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 198.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau đợt chào bán: 396.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 11.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được mua thêm 1 cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần chào bán thành công: 19.800.000 cổ phần

6.6 Tăng vốn lần 6

- Ngày 06/10/2015 tăng vốn từ 396 tỷ đồng lên 494.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết HĐQT số 1208/2015/NQ- HĐQT của HĐQT ngày 12/08/2015
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 396.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 494.999.880.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành: 100:25 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận thêm 25 cổ phần)
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành thành công: 9.899.988 cổ phần
- Số lượng cổ đông được phân phối cổ phần: 1.507 cổ đông

6.7 Tăng vốn lần 7

- Ngày 09/05/2016 tăng vốn từ 494.999.880.000 đồng lên 518.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19/03/2016
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 494.999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 518.999.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Tổng số lượng cổ phần phát hành thành công: 2.400.000 cổ phần

6.8 Tăng vốn lần 8

- Ngày 23/12/2016, tăng vốn từ 518.999.880.000 đồng lên 569.649.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 1 theo Nghị quyết HĐQT số 0711/2016/NQ-HĐQT ngày 07/11/2016
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 518.999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 569.649.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành thành công: 5.065.000 cổ phần

6.9 Tăng vốn lần 9

- Ngày 01/06/2017, tăng vốn từ 569.649.880.000 đồng lên 586.649.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1802/2017/NQ-ĐHĐ ngày 18/02/2017
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 569.649.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 586.649.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành thành công: 1.700.000 cổ phần

6.10 Tăng vốn lần 10

- Ngày 16/06/2017, tăng vốn từ 586.649.880.000 đồng lên 592.499.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 2 theo Nghị quyết HĐQT số 2905/2017/NQ-HĐQT ngày 29/05/2017
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 586.649.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 592.499.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành thành công: 585.000 cổ phần

6.11 Tăng vốn lần 11

- Ngày 08/12/2017, tăng vốn từ 592.499.880.000 đồng lên 835.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 3 theo Nghị quyết HĐQT số 0611/2017/NQ-ĐHĐ ngày 06/11/2017
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 592.499.880.000 đồng

- Vốn điều lệ sau phát hành: 835.999.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành thành công: 24.350.000 cổ phần

6.12 Tăng vốn lần 12

- Tháng 05/2018, tăng vốn từ 835.999.880.000 đồng lên 1.671.999.760.000 đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 8/2/2018.
- Cơ quan chấp thuận đợt chào bán cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 835.999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau đợt chào bán: 1.671.999.760.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 14.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được nhận mua thêm 1 cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần chào bán thành công: 83.599.988 cổ phần

6.13 Tăng vốn lần 13

- Tháng 09/2018, tăng vốn từ 1.671.999.760.000 đồng lên 1.711.999.760.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 08/02/2018
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 1.671.999.760.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.711.999.760.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành thành công: 4.000.000 cổ phần

6.14 Tăng vốn lần 14

- Tháng 07/2020, tăng vốn từ 1.711.999.760.000 đồng lên 2.111.999.760.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền lần 2 theo Nghị quyết HĐQT số 010703/2020/NQ-HĐQT ngày 01/07/2020.
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 1.711.999.760.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 2.111.999.760.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Giá phát hành: 14.000 đồng/cổ phần

- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 40.000.000 cổ phần

6.15 Tăng vốn lần 15

- Tháng 10/2020, tăng vốn từ 2.111.999.760.000 đồng lên 2.217.599.740.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 250301/2020/NQ – ĐHĐCĐ ngày 25/03/2020 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 số 280801/2020/NQ – ĐHĐCĐ ngày 28/08/2020.
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 2.111.999.760.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 2.217.599.740.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành: 100:5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận thêm 5 cổ phần)
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 10.559.998 cổ phần

6.16 Tăng vốn lần 16

- Tháng 05/2021, tăng vốn từ 2.217.599.740.000 đồng lên 2.967.599.740.000 đồng dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương thức đấu giá công khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 050201/2021/NQ – ĐHĐCĐ ngày 05/02/2021.
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước đợt chào bán: 2.217.599.740.000 đồng
- Vốn điều lệ sau đợt chào bán: 2.967.599.740.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm chào bán: 14.000 đồng/ cổ phiếu
- Giá trúng đấu giá bình quân: 14.236 đồng/ cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phần chào bán thành công: 75.000.000 cổ phần

6.17 Tăng vốn lần 17

- Tháng 09/2021, tăng vốn từ 2.967.599.740.000 đồng lên 3.264.344.960.000 đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 290601/2021/NQ – ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021.
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 2.967.599.740.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 3.264.344.960.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành: 10:1 (người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
- Mệnh giá: 10.000 đồng

- Tổng số lượng cổ phần phát hành thành công: 29.674.522 cổ phần

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

7.1. Thông tin về các khoản góp vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

Từ năm 2020 cho đến nay, Công ty không có bất kỳ khoản góp vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện

7.2. Thông tin về các khoản thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

Từ năm 2020 cho đến nay, Công ty không có bất kỳ khoản thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Đến nay, Công ty đã phát hành 326.434.496 cổ phiếu phổ thông, chi tiết như sau:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/12/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Trong nước	27.409	319.221.020	97,79%
1	Tổ chức	62	166.798.570	51,10%
2	Cá nhân	27.347	152.422.450	46,69%
II	Nước ngoài	288	7.213.476	2,21%
1	Tổ chức	26	4.859.876	1,49%
2	Cá nhân	262	2.353.600	0,72%
III	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	26	4.859.876	1,49%
	Tổng cộng	27.697	326.434.496	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Loại chứng khoán phát hành: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Mã trái phiếu: AAAH2124001

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 VND (một tỷ Đồng Việt Nam)
- Số lượng trái phiếu phát hành: 470
- Tổng giá trị phát hành: 470.000.000.000 VND
- Thời hạn trái phiếu: Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả cuối kỳ, định kỳ 6 tháng 1 lần.
- Lãi suất: 8%/năm

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 100%.

(Công văn số 376/UBCK-PTTT ngày 21/07/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 100%.)

9.2 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty:

Không quy định.

9.3 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Căn cứ danh sách cổ đông gần nhất tại ngày 09/12/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 2,21% vốn điều lệ.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu bao bì nhựa lớn nhất Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty bao gồm sản xuất bao bì màng mỏng; bao bì công nghiệp, sản xuất và phân phối nguyên vật liệu hóa chất ngành nhựa; cung cấp các dịch vụ logistics và kinh doanh bất động sản khu công nghiệp.

1) Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa

Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu của toàn Công ty. Các sản phẩm nhựa của Công ty có thể chia làm các loại chính:

- Sản phẩm và nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn;
- Bao bì;
- Nguyên vật liệu và hóa chất ngành nhựa.

(1) Sản phẩm và nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn

Sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn được làm từ các vật liệu, chất dẻo có khả năng phân hủy hoàn toàn bởi vi sinh vật thành nước, khí CO₂, mùn hữu cơ trong môi trường tự nhiên hoặc công nghiệp và không gây hại đến môi trường xung quanh.

Công ty đã đầu tư, nghiên cứu, phát triển thành công dòng sản phẩm sinh học phân

hủy hoàn toàn mang nhãn hiệu AnEco (100% Compostable), gồm các sản phẩm như: Túi, găng tay, dao, nĩa, ống hút, màng nông nghiệp...

Các sản phẩm AnEco được làm từ nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn, từ các vật liệu có nguồn gốc từ tinh bột, có thể phân hủy hoàn toàn trong vòng 6 tháng – 12 tháng trong môi trường tự nhiên hoặc chôn ủ công nghiệp. Đặc biệt, sản phẩm không để lại vi nhựa, không gây ô nhiễm môi trường.

Hiện nay, các sản phẩm AnEco đã trải qua những kiểm định khắt khe và được cấp nhiều chứng chỉ hàng đầu thế giới như OK Compost HOME và OK Compost INDUSTRIAL của TUV Austria, ngoài ra còn có chứng chỉ BPI Compostable của Hoa Kỳ, chứng chỉ DIN Certco Compostable và biobased 50 – 85% của Đức.

Các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn Công ty đang cung cấp:

Hình 5: Túi sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Hình 6: Găng tay sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Hình 7: Màng phủ nông nghiệp sinh học phân hủy hoàn toàn



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

(2) Bao bì nhựa

Hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa truyền thống được thực hiện tại Công ty và công ty con - Công ty cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan và Bộ công thương, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là nhà sản xuất và xuất khẩu bao bì bao bì màng mỏng lớn nhất Việt Nam, bao gồm bao bì màng mỏng PE truyền thống và bao bì tự hủy. Công ty con – Công ty cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh cũng là một trong những nhà sản xuất bì công nghiệp lớn nhất cả nước.

Các nhà máy sản xuất bao bì được đầu tư máy móc hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường, hệ thống kiểm soát chất lượng, hệ thống đảm bảo an toàn thực phẩm như ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000.

a. Bao bì màng mỏng:

Các sản phẩm bao bì màng mỏng hiện Công ty đang cung cấp bao gồm: túi siêu thị, túi đựng rác, túi có mùi thơm, túi in nhiều màu, màng nhựa, túi cuộn, ... Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu sang châu Âu và Nhật Bản. Chi tiết các sản phẩm như sau:

- Túi Flat cuộn/Túi Gấp C cuộn/Màng Sheet

- Độ dày:
 - HDPE 6-30 mic
 - LDPE 22-40 mic
 - MDPE 12-35 mic
 - Tái chế LDPE 14-95 mic
 - Tự hủy 11-50 mic
- Chiều rộng: 100-1100 mm
- Chiều dài: 120-1900 mm
- Số màu in: 1-4



- **Túi T-shirt cuộn/ Túi cuộn T-shirt gấp C**

- Độ dày:
 - HDPE 6-64 mic
 - LDPE 18-50 mic
 - MDPE 12-50 mic
 - Tái chế LDPE 14-65 mic
 - Tự hủy 11-40 mic
- Chiều rộng: 100-850 mm
- Chiều dài: 120-1500 mm
- Số màu in: 1-4



- **Túi Flat rời**

- Độ dày:
 - HDPE 10-35 mic
 - LDPE 20-95 mic
 - MDPE 15-55 mic
 - Tái chế LDPE 15-95 mic
 - Tự hủy 15-40 mic
- Chiều rộng: 400-1100 mm
- Chiều dài: 400-1600 mm
- Số màu in: 1-4



- **Túi T-shirt/ Túi Block T-shirt/
Túi T-shirt Knot**

- Độ dày:
 - HDPE 12-50 mic
 - LDPE 22-60 mic
 - MDPE 13-55 mic
 - Tái chế LDPE 15-70 mic
 - Tự hủy 15-40 mic
- Chiều rộng: 150-650 mm
- Chiều dài: 320-800 mm
- Số màu in: 1-4



- **Túi Die Cut**

- Độ dày:
HDPE 16-30 mic
LDPE 30-40 mic
MDPE 16-35 mic
- Chiều rộng: 250-500 mm
- Chiều dài: 300-800 mm
- Số màu in: 1-4



- **Túi Drawtape**

- Độ dày:
HDPE 10-35 mic
LDPE 20-35 mic
MDPE 14-40 mic
Tái chế LDPE 15-35 mic
- Chiều rộng: 400-1150 mm
- Chiều dài: 450-1400 mm



- **Túi đựng thực phẩm**

- Độ dày:
HDPE 8-40 mic
LDPE 20-150 mic
MDPE 8-40 mic
- Chiều rộng:
LDPE 160-235 mm
HDPE 350-450 mm
MDPE 350-450 mm
- Chiều dài: 100-700 mm



- **Túi không quai gấp sao/ Túi cuộn không quai gấp sao/ Túi cuộn có quai gấp sao/ Túi cuộn cắt S gấp sao**

- Độ dày:
 - HDPE 6-50 mic
 - LDPE 20-70 mic
 - MDPE 16-50 mic
 - Tái chế LDPE 14-70 mic
 - Tự hủy 14-50 mic
- Chiều rộng: 180-850 mm
- Chiều dài: 300-1700 mm
- Số màu in: 1-4



- **Túi Block Header**

- Độ dày:
 - HDPE 6-50 mic
 - LDPE 18-95 mic
 - MDPE 16-35 mic
 - Tái chế LDPE 20-95 mic
 - Tự hủy 15-30 mic
- Chiều rộng: 100-750 mm
- Chiều dài: 120-1200 mm
- Số màu in: 1-4



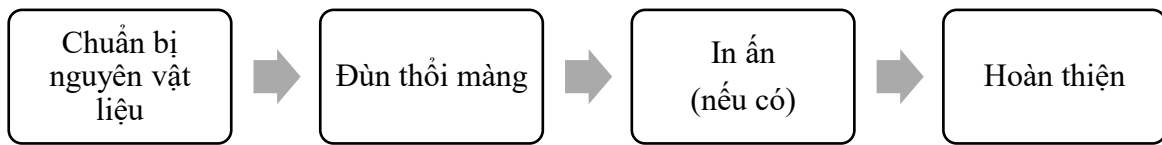
- **Màng film nông nghiệp**

- Độ dày:
 - LLDPE 25-150 mic
 - Tự hủy 25-150 mic
- Chiều rộng: 1500-2500 mm
- Màn hình đơn lớp, đa lớp



Mô tả quy trình sản xuất bao bì màng mỏng:

Hình 8: Quy trình sản xuất bao bì màng mỏng



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Bước 1: Chuẩn bị nguyên vật liệu

Theo kế hoạch sản xuất, nguyên vật liệu gồm hạt nhựa PE hoặc hạt nhựa tự hủy, các loại hạt phụ gia, hạt màu ...được phối trộn đều theo tỷ lệ phù hợp, đáp ứng các yêu cầu khác nhau của khách hàng.

- Bước 2: Đùn thổi màng

Đây là công đoạn vô cùng quan trọng và quyết định đến độ dày mỏng của túi PE. Nguyên liệu là hạt nhựa PE được đưa vào máy đùn thổi và nấu chảy ở nhiệt độ kiểm soát khoảng 3800 độ F.

Sau khi được nấu chảy ở nhiệt độ nhất định thì chúng được ép đùn qua một khuôn dạng ống. Khi này vẫn đang ở nhiệt độ cao và một đầu ống sẽ được cố định lại và thổi không khí vào tạo thành dạng bong bóng. Với quá trình thổi dài đến kích thước và độ dày mong muốn của túi trước đó. Khi lên cao khoảng 20-35 feet màng sẽ nguội đi và được thành sạng phẳng và tạo thành các cuộn màng.

- Bước 3: In ấn

Với công đoạn này thì các cuộn màng sẽ được chuyển qua bộ phận máy in. Công ty sử dụng công nghệ in trực ống đồng hiện đại nhất, đảm bảo độ sắc nét của hình in theo thiết kế.

- Bước 4: Hoàn thiện

Đây là bước cuối cùng trong quy trình sản xuất bao bì PE. Đây là công đoạn trải qua các bước như: cắt, đánh dấu, gấp nếp, dập quai, gấn quai...tùy theo yêu cầu từ phía khách hàng như mẫu ép quai, túi đục lỗ thì tiến hành sản xuất hoàn thiện theo thiết kế. Đây là khâu thực hiện giúp bao bì định hình được hình dáng, số lượng, kích thước. Giai đoạn này đòi hỏi hệ thống dây chuyền máy móc công nghệ cao nhằm đảm bảo tính chuẩn xác cho từng mẫu mẫu bao bì thiết kế.

[Hết nội dung tại trang này]

b. Bao bì công nghiệp

Các sản phẩm bao bì công nghiệp cung cấp bao gồm:



Bao jumbo

- Nguyên liệu: nhựa PP
- Trọng tải: lên đến 2500 kg
- Loại: thân ống, chống phình xì, chữ U, thân 4 mảnh, có PE liner, may overlock



Bao sling

- Nguyên liệu: nhựa PP
- Trọng tải: lên đến 2500 kg
- Loại: có thân, không thân, làm bằng đai Mono hoặc đai PP



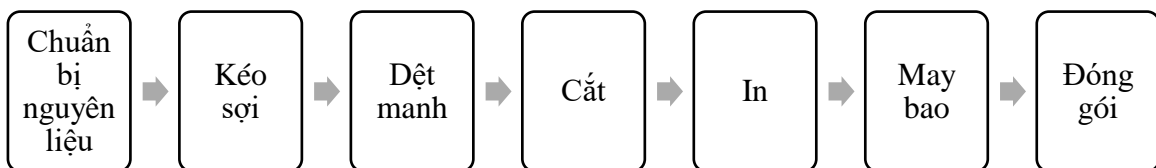
Bao bì PP

- Nguyên liệu: nhựa PP
- Trọng tải: 20-50 kg
- Độ dày của sợi: 800D, 1000D
- Loại: trắng hoặc không trắng PE, có thể lồng túi PE chống thấm, chống ẩm mốc.

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Mô tả quy trình sản xuất bao bì công nghiệp:

Hình 9: Quy trình sản xuất bao bì công nghiệp



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Bước 1: Chuẩn bị nguyên vật liệu (hạt nhựa PP, hạt màu, hạt phụ gia) thích hợp theo yêu cầu của đơn hàng.
- Bước 2: Nguyên vật liệu được đưa vào máy kéo sợi, tạo sợi. Khi sợi được kéo hoàn thành xong sẽ được thu lại thành cuộn.
- Bước 3: Tiến hành dệt manh. Các cuộn sợi sẽ được đưa vào máy dệt để dệt thành manh bán thành phẩm có kích thước bề ngang tùy theo kích thước sản phẩm. Manh sẽ được tráng phủ nếu cần.

- Bước 4: Các mảnh sau khi được tráng phủ sẽ được cắt thành các phần nhỏ.
- Bước 5: Mảnh sau khi cắt sẽ được in ấn theo maket của khách hàng.
- Bước 6: Các công nhân sẽ thực hiện công đoạn may đáy, miệng và quai cho bao bì.

(3) Nguyên vật liệu và hóa chất ngành nhựa

Hoạt động kinh doanh nguyên liệu và hóa chất ngành nhựa được Nhựa An Phát Xanh phát triển từ năm 2009 với việc thành lập của Công ty Cổ phần An Tiến Industries (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái).

Sản phẩm chính của công ty là hạt phụ gia Ancal (PE và PP) và bột đá CaCO₃ siêu mịn. Hạt phụ gia được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa, giúp giảm giá thành trong sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm.

Hạt phụ gia Ancal còn được dùng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như bột bả, sơn, công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, công nghiệp sản xuất các loại giấy... Bên cạnh đó, Công ty còn sản xuất hai loại nguyên liệu nhựa khác là hạt độn trắng trong BaSO₄ và hạt độn màu.

Hình 10: Hạt phụ gia PE



Hình 11: Hạt phụ gia PP



Hình 12: Bột đá CaCO₃



Hình 13: Hạt màu



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Quy trình sản xuất bột đá CaCo₃

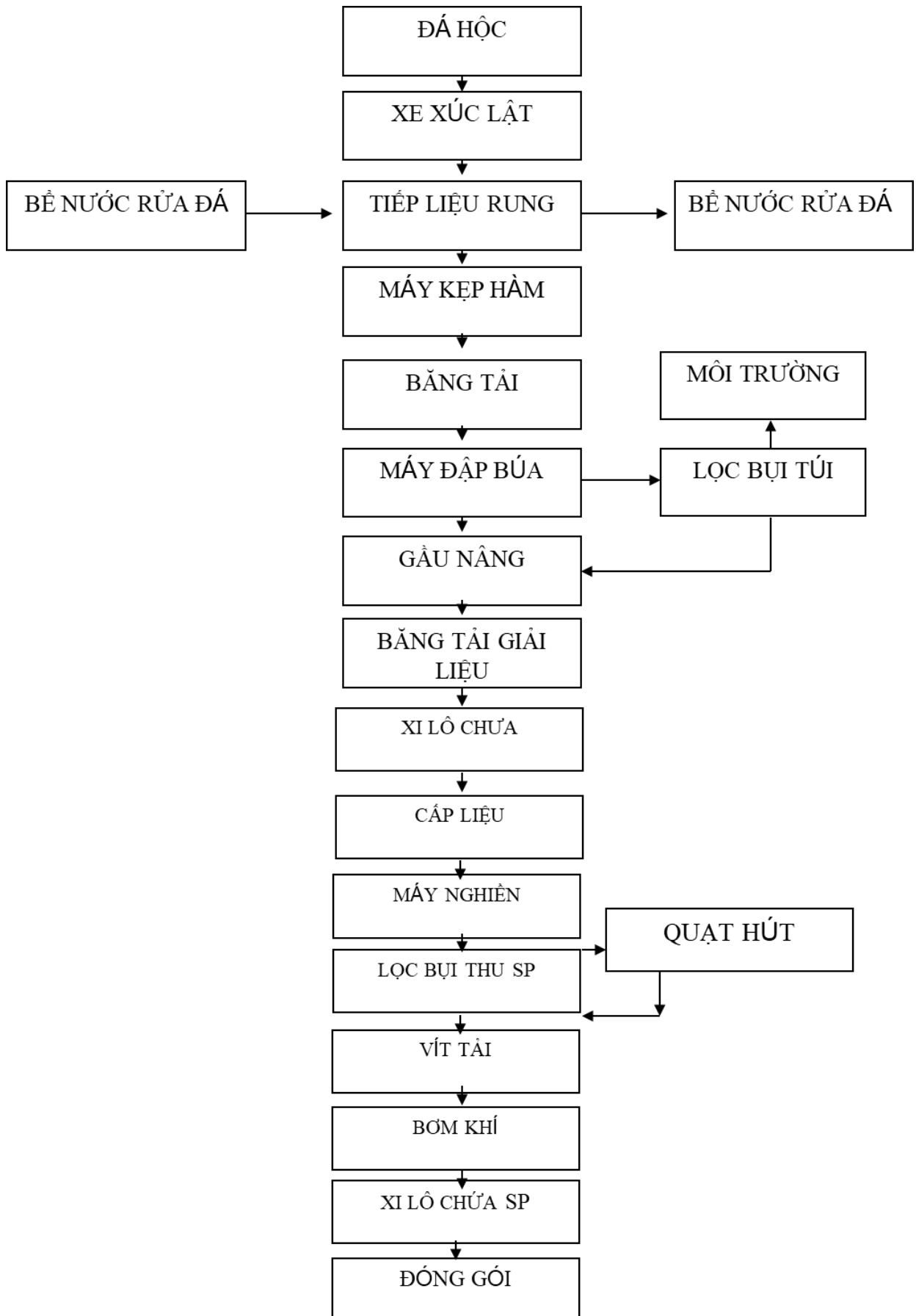
Đá hộc có kích thước từ 150-400mm có độ trắng sáng từ 97%, hàm lượng CaCo₃ từ 98% trở lên, không lẫn tạp chất được vận chuyển từ khu chứa nguyên liệu đến máy tiếp liệu rung. Tại máy tiếp liệu rung, đá được rửa sạch. Nước dùng để rửa đá được thu gom và bể lắng và tuần hoàn tái sử dụng.

Đá từ tiếp liệu rung được chuyển vào kẹp hàm, tại đây đá sẽ được kẹp hàm nghiền từ 400mm xuống còn kích thước 60 – 120 mm. Thông qua băng tải, đá được chuyển tiếp vào các máy đập búa để tiếp tục nghiền nhỏ xuống 1-10mm. Đá từ máy đập búa được chuyển sang gàu nâng chuyển lên cao và đổ vào các băng tải rải liệu.

Tại băng tải rải liệu đá được vận chuyển vào các silo chứa. Đá có kích thước từ 1-10mm sau khi đi vào máy nghiền sẽ được nghiền nhỏ xuống còn 0,1 micron đến 40 micron. Đá sau khi qua máy nghiền được quạt hút đẩy sang khu vực túi lọc bụi, tại đây, túi lọc bụi sẽ lọc các sản phẩm cần giữ lại. Vít tải có nhiệm vụ đưa sản phẩm từ túi lọc sang bơm khí, bơm khí bơm lên các silo chứa sản phẩm và chờ đóng gói. Căn cứ trên yêu cầu của khách hàng, đơn hàng sẽ được đóng gói cho phù hợp.

[Hết nội dung tại trang này]

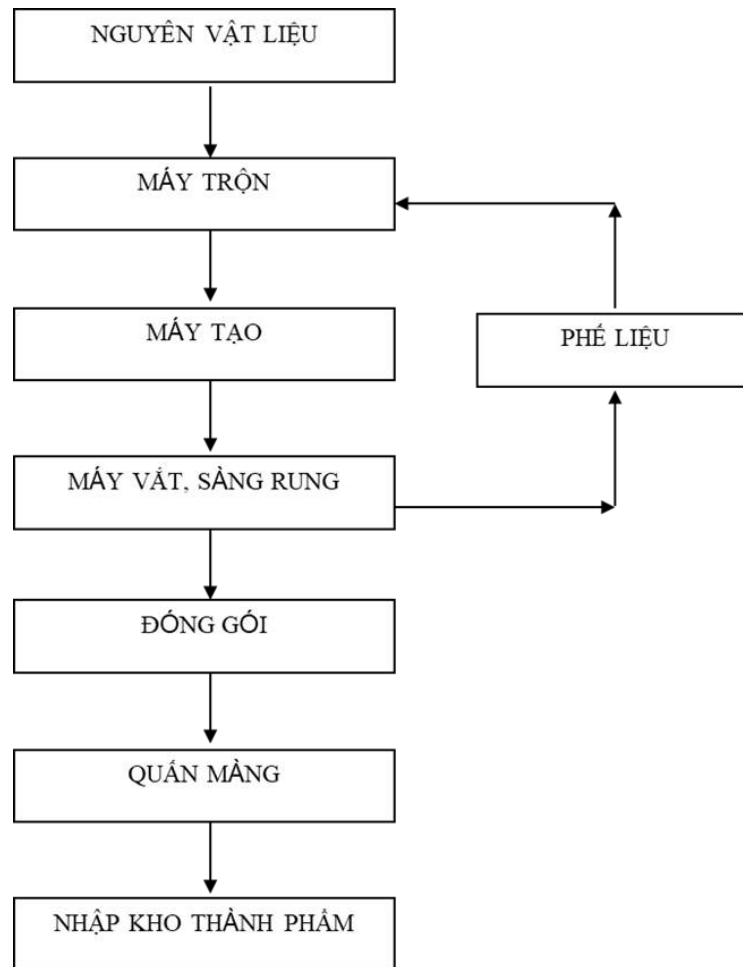
Hình 14 : Quy trình sản xuất bột đá



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Quy trình sản xuất hạt nhựa phụ gia

Hình 15: Quy trình sản xuất hạt nhựa phụ gia



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Nguyên vật liệu được chuẩn bị theo công thức và khối lượng được tính toán theo kế hoạch sản xuất sẽ được đưa vào máy trộn để phối trộn đều. Sau khi nguyên liệu được xả từ máy trộn xuống thùng liệu trung gian, công nhân vận hành máy tạo sẽ tiến hành tời liệu lên phễu chờ liệu.

Nguyên liệu sau quá trình đùn ép tại máy tạo sẽ tạo thành sản phẩm và được làm mát bằng nước tại khâu cuối cùng, đó sẽ được đưa qua máy vắt để đảm bảo vắt sạch nước ra khỏi sản phẩm. Sản phẩm tiếp tục được đưa chạy qua sàng rung, tại đây những hạt có kích thước quá nhỏ hoặc quá lớn sẽ được sàng rung loại bỏ và được coi là phế liệu.

Phế này sẽ được thu gom riêng và đưa quay đầu lại máy trộn để trộn lại và tiếp tục đùn ra sản phẩm mới. Các hạt đạt kích thước sẽ được đưa vào các silo chứa sản phẩm trung gian để tiếp tục giải bớt nhiệt. Sau khi đã nguội, sản phẩm sẽ được đóng gói theo đúng tiêu chí về trọng lượng, bao bì, nhãn mác. Các palet hàng tiếp tục được quản màng, dán nhãn và nhập kho.

2) Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Thông qua các công ty con, Công ty mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh mảng bất động sản công nghiệp từ năm 2018. Hoạt động kinh doanh chính của công ty bao gồm:

cho thuê, bán nhà xưởng xây sẵn hoặc xây theo yêu cầu, cho thuê đất công nghiệp, cho thuê, bán đất dịch vụ, cung cấp các dịch vụ, tiện ích hạ tầng khu công nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác như kí túc xá, suất ăn, xe đưa đón công nhân tại khu công nghiệp. Các hoạt động này được triển khai thông qua việc kinh doanh các khu công nghiệp sau đây:

a. Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát:

Hình 16: Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Nhà đầu tư: Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát (công ty con của Công ty)
- Mục tiêu dự án: đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.
- Quy mô sử dụng đất của dự án: 46,4 ha
- Vị trí địa lý: Km47, Quốc lộ 5, Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 2.035 tỷ đồng
- Thời điểm bắt đầu khai thác: 2019
- Thời hạn sử dụng đất: tháng 6/2057

b. Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1:

Hình 17: Quy hoạch Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Nhà đầu tư: Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (công ty con của Công ty).
- Mục tiêu dự án: đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.
- Quy mô sử dụng đất của dự án: 180 ha, trong đó diện tích thương phẩm là 130ha
- Vị trí địa lý: tiếp giáp phía Tây quốc lộ 37 tại đoạn Km69, thuộc địa giới hành chính 3 xã Quốc Tuấn, An Bình, An Lâm của huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.947 tỷ đồng
- Thời điểm bắt đầu khai thác (dự kiến): nửa đầu năm 2022
- Thời hạn sử dụng đất: tháng 2/2071

Hình 18: Ngành nghề ưu tiên tại Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Hình 19: Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

3) Cung cấp dịch vụ vận tải và hoạt động khác

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đến từ dịch vụ vận tải của công ty con – Công ty Cổ phần Liên vận An Tín. Dịch vụ vận tải của công ty bao gồm: Vận tải nội địa, giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không, dịch vụ hải quan, dịch vụ logistics và kho bãi.

Dịch vụ vận tải đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng của Công ty, tạo thành một hệ sinh thái, chuỗi giá trị khép kín, gia tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Dịch vụ vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các khách hàng bên ngoài có nhu cầu.

10.1.2 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa và hạt nhựa. Sản phẩm Công ty cung cấp được ứng dụng trong nhiều ngành công nghiệp và được ứng dụng/ sử dụng rộng rãi trong đời sống. Đặc thù sản phẩm không có tính thời vụ như một số sản phẩm đặc thù khác, điều này được thể hiện qua kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty các năm qua.

10.1.3 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Hoạt động Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa chiếm trên 90% tỷ trọng doanh thu của Công ty các năm qua, còn lại là hoạt động Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp và Cung cấp dịch vụ vận tải, hoạt động khác.

Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ Công ty cung cấp trong 02 năm gần đây và đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 2: Sản lượng tại các nhà máy sản xuất bao bì nhựa

Đơn vị tính: tấn

Nhà máy	Loại sản phẩm	2020		2021		Lũy kế đến Q1/2022	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Số 1	Bao bì đựng thực phẩm, túi rác, màng ni-lon chuyên dùng trong nông nghiệp, hạt nhựa tái chế HDPE, LDPE nhiều màu	13.960	14.369	13.918	14.278	2.928	3.315
Số 2	Bao bì nhựa	20.532	20.038	18.688	18.352	4.451	4.790
Số 3	Túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm	14.438	14.172	14.089	14.260	2.970	2.989
Số 5	Túi T-shirt, Hàng Flat từ nguyên liệu	26.293	23.996	26.809	23.871	5.342	5.231

	nguyên sinh và tự hủy						
Số 6	Sản phẩm bao bì nhựa cao cấp	19.310	18.730	18.798	17.571	3.558	3.885
Số 7	Túi draw-tape và draw-string	8.974	7.961	9.029	8.291	2.084	1.894
Tổng		103.506	99.267	101.331	96.533	21.333	22.104

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Bảng 3: Sản lượng tại các nhà máy sản xuất hạt nhựa

Đơn vị: Tấn

Nhà máy	Loại sản phẩm	2020		2021		Lũy kế đến Q1/2022	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Nhà máy sản xuất hạt phụ gia	Hạt phụ gia nhựa	73.802	73.174	70.288	67.549	17.036	15.601
Nhà máy sản xuất bột đá	Bột đá	90.191	29.920	65.049	22.215	16.577	3.860
Tổng		163.993	103.094	135.337	89.764	33.613	19.461

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

(1) Doanh thu công ty mẹ, hợp nhất các năm:

Bảng 4: Doanh thu công ty mẹ các năm

DVT: triệu đồng

ST T	Sản phẩm	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Q1/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán thành phẩm	3.224.670	72,9%	3.702.759	72,2%	986.353	71,6%
2	Doanh thu bán hàng hóa	1.171.929	26,5%	1.407.417	27,4%	387.051	28,1%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.945	0,54%	20.000	0,4%	4.107	0,3%
	Tổng cộng	4.420.544	100%	5.130.177	100%	1.377.510	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q1/2022)

Bảng 5: Doanh thu hợp nhất các năm

DVT: triệu đồng

STT	Sản phẩm	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Q1/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán thành phẩm	3.915.486	52,6%	4.527.832	34,4%	1.164.262	28,9%
2	Doanh thu bán hàng hóa	3.344.597	45,0%	7.912.836	60,2%	2.664.043	66,1%
3	Doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	72.405	1,0%	412.659	3,1%	77.449	1,9%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	103.227	1,4%	294.461	2,2%	122.067	3,0%
5	Doanh thu hoạt động khác	2.535	0,0%	6.222	0,1%	33	0,0%
	Tổng cộng	7.438.250	100%	13.154.010	100%	4.027.854	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

(2) Lợi nhuận gộp công ty mẹ, hợp nhất các năm:

Bảng 6: Lợi nhuận gộp công ty mẹ các năm

DVT: triệu đồng

STT	Lợi nhuận gộp	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Q1/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	418.978	92,6%	522.417	93,3%	184.614	97,0%
2	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	9.786	2,2%	17.782	3,2%	1.716	0,9%
3	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	23.945	5,3%	20.000	3,6%	4.019	2,1%
	Tổng cộng	452.709	100%	560.199	100%	190.349	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q1/2022)

Bảng 7: Lợi nhuận gộp hợp nhất các năm

DVT: triệu đồng

STT	Lợi nhuận gộp	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Q1/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	555.935	71,6%	795.405	61,1%	269.863	68,5%
2	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	137.254	17,7%	352.982	27,1%	64.847	16,5%
3	Lợi nhuận gộp bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	44.202	5,7%	119.210	9,2%	43.494	11,1%
4	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	38.884	5,0%	33.739	2,6%	15.439	3,9%
5	Lợi nhuận gộp khác	659	0,1%	39	0,0%	33	0,0%
	Tổng cộng	776.935	100%	1.301.375	100%	393.676	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

(3) Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 8: Sản lượng sản phẩm, tỷ lệ trong doanh thu, lợi nhuận

STT	Thời gian	Tên sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Tỷ lệ trong doanh thu	Tỷ lệ trong lợi nhuận gộp
1	Năm 2020	Bao bì	99.267	72,9%	92,6%
2	Năm 2021	Bao bì	96.623	72,2%	96,7%
3	Quý I/2022	Bao bì	22.104	71,6%	97,0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

10.2 Tài sản

Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/03/2022:

Bảng 9: Tài sản cố định của Công ty mẹ tại thời điểm 31/03/2022

Đơn vị: đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	2.411.258.652.060	1.245.299.977.716	1.165.958.674.344
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	557.509.380.983	171.401.023.665	386.108.357.318
2	Máy móc, thiết bị	1.645.803.951.863	944.718.259.734	701.085.692.129
3	Phương tiện vận tải	160.943.853.870	100.882.515.646	60.061.338.224
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	7.843.412.734	5.152.732.045	2.690.680.689
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	15.501.270.000	7.548.402.201	7.952.867.799
6	Tài sản khác	23.656.782.610	15.597.044.425	8.059.738.185
II	Tài sản cố định thuê tài chính	78.688.750.029	15.900.365.754	62.788.384.275
1	Quyền sử dụng đất	78.087.072.029	15.514.535.824	62.572.536.205
2	Phần mềm máy vi tính	601.678.000	385.829.930	215.848.070
III	Tài sản cố định vô hình	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng Quý 1/2022 do Công ty tự lập)

Bảng 10: Tài sản cố định hợp nhất tại thời điểm 31/03/2022

Đơn vị: đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	3.499.025.708.137	1.520.287.079.084	1.978.738.629.053
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.001.391.377.194	229.212.480.457	772.178.896.737
2	Máy móc, thiết bị	2.113.457.816.011	1.080.202.004.377	1.033.255.811.634
3	Phương tiện vận tải	309.392.244.476	173.657.674.058	135.734.570.418
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	17.354.334.484	9.574.723.271	7.779.611.213
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	19.461.000.000	8.550.901.151	10.910.098.849
6	Tài sản khác	37.968.935.972	19.089.295.770	18.879.640.202
II	Tài sản cố định thuê tài chính	97.501.544.754	19.867.557.143	77.633.987.611

1	Quyền sử dụng đất	95.675.877.545	18.931.355.745	76.744.521.800
2	Phần mềm máy vi tính	1.825.667.209	936.201.398	889.465.811
III	Tài sản cố định vô hình	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 1/2022 do Công ty tự lập)

Bảng 11: Danh sách đất đai, nhà xưởng của Công ty

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng	Mục đích
1	Thửa đất số L8, KCN Nam Sách, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	9.744,2	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy 1
2	Thửa đất số 129, Lô CN 3, cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	19.967	Giao	25 năm	Xây dựng nhà máy 2
3	Thửa đất số 1082, Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	20.064	Giao	25 năm	Xây dựng nhà máy 3
4	Thửa đất số 1, Lô L7, KCN Nam Sách, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	16.802,4	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy 5
5	Khu đất 92.212 m ² , Cụm Công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	92.212	Giao	50 năm	Xây dựng Nhà máy 6
6	Khu đất 15.000 m ² , Cụm Công Nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	15.000	Giao	50 năm	Xây dựng Nhà máy 7
7	Lô CN11 – CN12, cụm Công Nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	98.088	Giao	50 năm	Đầu tư xây dựng Nhà máy 8 (Nhà máy sản xuất nguyên liệu, sản phẩm vi sinh phân hủy hoàn toàn)
8	Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái	40.081	Giao	49 năm	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá CaCO ₃ và Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃
9	Khu Công Nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	464.000	Thuê trả tiền 1 lần	37 năm	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đầu tư xây dựng nhà xưởng để kinh doanh

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

10.3 Thị trường hoạt động

Bảng 12: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Q1/2022	
	Giá trị (tỷ đồng)	% Doanh thu	Giá trị (tỷ đồng)	% Doanh thu	Giá trị (tỷ đồng)	% Doanh thu
Trong nước	1.108	25%	1.168,98	23%	236,51	17,2%
Nước ngoài	3.312	75%	3.961,2	77%	1.141	82,8%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

Bảng 13: Cơ cấu lợi nhuận gộp Hợp nhất theo thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động	Năm 2020		Năm 2021		Lũy kế đến Q1/2022	
	Giá trị (tỷ đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (tỷ đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (tỷ đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	24,8	5%	37,9	6,74%	4,5	2,4%
Nước ngoài	427,9	95%	523,4	93,26%	185,8	97,6%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

a) Tình hình đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị

Công ty đã đầu tư hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị hiện đại với 7 nhà máy sản xuất bao bì màng mỏng, 1 nhà máy sản xuất bao bì công nghiệp và 1 nhà máy sản xuất phụ gia CaCO₃ như sau:

- **Nhà máy số 1** được xây dựng từ năm 2004 trên diện tích 9.744 m², tại Khu công nghiệp Nam Sách - Thành Phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương, bắt đầu hoạt động vào năm 2005 với các sản phẩm là bao bì đựng thực phẩm, túi rác, màng ni-lon chuyên dùng trong nông nghiệp và sản xuất hạt nhựa tái chế HDPE, LDPE nhiều màu. Công suất thiết kế của Nhà máy số 1 khoảng 14.400 tấn/năm.
- **Nhà máy số 2** bắt đầu đi vào hoạt động vào tháng 3/2008 với công suất thiết kế đạt 22.800 tấn/năm. Được khởi công xây dựng vào tháng 5/2007 tại Cụm công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương trên diện tích 19.967 m², nhà máy được trang bị các dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc.
- **Nhà máy số 3** chính thức đi vào hoạt động từ tháng 9/2009, với sản phẩm chiến lược là túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm và có sản lượng khoảng 14.400 tấn/năm.
- **Nhà máy số 5** được khởi công xây dựng từ 2012 với công suất 8.400 tấn/năm chuyên sản xuất túi T-shirt, Hàng Flat từ nguyên liệu nguyên sinh và tự hủy xuất khẩu đi Nhật Bản.

- **Nhà máy số 6** được đầu tư với tổng kinh phí 500,6 tỷ đồng. Nhà máy được đầu tư với công suất thiết kế đạt 38.400 tấn sản phẩm/năm và chuyên sản xuất sản phẩm cao cấp cho thị trường Nhật Bản. Tháng 6 năm 2016 Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động giai đoạn 1.
- **Nhà máy số 7** chuyên sản xuất các sản phẩm mới, đặc trưng của thị trường Hoa Kỳ như túi draw-tape và draw-string với công suất thiết kế đạt 9.600 tấn sản phẩm/năm.
- **Nhà máy số 8** chuyên sản xuất bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn, đang trong quá trình lắp đặt, chạy thử chưa đưa vào sản xuất.
- **Nhà máy An Vinh** chuyên sản xuất bao bì công nghiệp (bao Jumbo, Sling) có diện tích 32.000m² với công suất thiết kế 12.000 tấn/năm
- **Nhà máy An Phát - Yên Bái** là nhà máy duy nhất của An Phát sản xuất nguyên liệu ngành nhựa, bột đá vôi siêu mịn (CaCO₃) đạt tiêu chuẩn quốc tế, với công suất thiết kế khoảng 96.000 tấn bột đá/năm và 96.000 tấn phụ gia nhựa/năm.

Bảng 14: Danh mục tài sản cố định hữu hình hợp nhất tại ngày 31/03/2022

Đơn vị: đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.001.391.377.194	229.212.480.457	772.178.896.737
2	Máy móc, thiết bị	2.113.457.816.011	1.080.202.004.377	1.033.255.811.634
3	Phương tiện vận tải	309.392.244.476	173.657.674.058	135.734.570.418
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	17.354.334.484	9.574.723.271	7.779.611.213
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	19.461.000.000	8.550.901.151	10.910.098.849
6	Tài sản khác	37.968.935.972	19.089.295.770	18.879.640.202
7	Tổng cộng	3.499.025.708.137	1.520.287.079.084	1.978.738.629.053

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 1/2022 do Công ty tự lập)

b) Các khoản đầu tư tài chính

Tính đến 31/03/2022 báo cáo tài chính của Công ty ghi nhận đã đầu tư vào các công ty con như sau:

Bảng 15: Các khoản đầu tư vào Công ty con

ĐVT: đồng

	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		
Công ty cổ phần An Tiến Industries	194.826.838.436	397.190.681.650
Công ty cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	910.000.000.000	910.000.000.000
Công ty cổ phần An Thành Bicsol	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	362.751.510.000	362.751.510.000

	Giá gốc	Giá trị hợp lý
An Phat International Inc	227.235.300.000	201.414.127.952
Cộng	1.762.013.648.436	1.938.556.319.602

(Nguồn: BCTC riêng Quý 1/2022 do Công ty tự lập)

10.5 Các hợp đồng lớn

Bảng 16: Các hợp đồng lớn

TT	Tên hợp đồng	Giá trị sau thuế (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác tham gia	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
I	Hợp đồng bán ra						
1	02-APP LATEC-2020	4	06/02/2020	2020	Bao bì màng mỏng	Platec Co., Ltd	Không
2	REI2020.002	3	17/01/2020	2020	Bao bì màng mỏng	Estreitoriental Unipessoal	Không
3	40J-JAPAC KAP-2019	5	18/01/2020	2020	Bao bì màng mỏng	Japack's Inc	Không
4	03-APGEO-2020	7	05/02/2020	2020	Bao bì màng mỏng	Geordian	Không
5	LID2020.001	35	27/07/2020	2020, 2021	Bao bì màng mỏng	LIDL HONG KONG LIMITED	Không
6	PLT2020.017	15	22/10/2020	2021	Bao bì màng mỏng	Platec Co., Ltd	Không
7	KOM2020.034	13	25/12/2020	2021	Bao bì màng mỏng	KOMPOL SP. Z O.O.	Không
8	KOM2021.001	13	21/01/2021	2021	Bao bì màng mỏng	KOMPOL SP. Z O.O.	Không
9	JAP2020.044	12	12/12/2020	2021	Bao bì màng mỏng	Japack's Inc	Không
10	MOF2020.014	11	13/11/2020	2021	Bao bì màng mỏng	MOROFUJI INC	Không

11	LID2021.001	39	1/7/2021	2021	Bao bì màng mỏng	LIDL HONG KONG LIMITED	Không
12	CCP2021.169	12	1/11/2021	2022	Bao bì màng mỏng	COMCOPLAST	Không
13	KOM2021.025	29	1/11/2021	2021	Bao bì màng mỏng	KOMPOL SP. Z O.O.	Không
14	PLT2021.015	12	01/12/2021	2022	Bao bì màng mỏng	PLATEC CO., LTD.	Không
15	UTA2021.001	22	17/2/2021	2021	Bao bì màng mỏng	MILLION SUCCESS INTERTRADE PTE LTD.	Không
16	MOF2021.001	20	18/1/2021	2021	Bao bì màng mỏng	MOROFUJI INC	Không
17	TLC2021.019	17	29/6/2021	2021	Bao bì màng mỏng	TAKIHYO CO., LTD.	Không
18	CNZ2021.003	16	21/4/2021	2021	Bao bì màng mỏng	CAINZ CORPORATION	Không
19	TLC2021.024	15.5	29/9/2021	2021+ 2022	Bao bì màng mỏng	TAKIHYO CO., LTD.	Không
20	CNZ2021.006	15	15/5/2021	2021	Bao bì màng mỏng	CAINZ CORPORATION	Không
21	JAP2021.070	6	30/12/2021	2022	Bao bì màng mỏng	JAPACK'S INC	Không
22	CCP2021.120A	13	12/8/2021	2021	Bao bì màng mỏng	COMCOPLAST	Không
23	PKD2021.009	12	17/6/2021	2021	Bao bì màng mỏng	Pakendikeskus AS	Không
24	PLT2021.015	11	1/12/2021	2022	Bao bì màng mỏng	PLATEC CO., LTD.	Không
II	Hợp đồng mua vào						
1	WGAPPO 200706	7.9	06/07/2020	2020	Hạt tự hủy	ZHUHAI WANGO CHEMICAL	Không

						CO.,LTD	
2	20892874	23.1	06/11/2020	2020-2021	Hạt nhựa nguyên sinh	Gulf Polymers Distribution company FZCO	Không
3	5000525995	16.4	04/12/2020	2021	Hạt nhựa nguyên sinh	Borouge Pte Ltd	Không
4	ANTHANH_PI2010_AP2/10/2020-HAN-AAA	11.08	05/10/2020	2020	Hạt nhựa nguyên sinh	Hanwha Total Petrochemical Co.,Ltd	Không
5	VN/2010/3456948	46.2	29/09/2020	2020	Hạt nhựa nguyên sinh	SABIC Asia Pacific Pte Ltd	Không
6	6010625	15.8	30/10/2020	2021	Hạt nhựa nguyên sinh	Sasol Chemicals Pacific Ltd	Không
7	870/BSR-AN PHAT	732.5	24/12/2020	2021-2022	Hạt nhựa T3034, I3110	Lọc hóa dầu Bình Sơn	Không
8	20932567	13.7	09/09/2021	2021	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE	Gulf Polymers Distribution company FZCO	Không
9	20936323	6.6	12/10/2021	2021	Hạt nhựa nguyên sinh	CHEVRON PHILLIPS CHEMICALS ASIA PTE LTD	Không
10	(F)VN/2110/3885913	26.1	31/12/2021	2021	Hạt nhựa nguyên sinh	SABIC Asia Pacific Pte Ltd	Không
11	170172	14.4	15/12/2021	2022	Hạt nhựa nguyên sinh Q2018H	MUNTAJAT (QATAR CHEMICAL	Không
12	211000323	57.076	01/09/2021	2021-2022	Hạt nhựa HDPE 7000F-P	CÔNG TY TNHH GC MARKETING SOLUTIONS VIỆT NAM	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Các khách hàng, nhà cung cấp của Công ty 2 năm trở lại đây và đến thời điểm hiện tại:

Bảng 17: Khách hàng của Công ty

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch trên doanh thu	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Comco Plast	6%	Năm 2020	Bao bì màng mỏng	Không
2	Kompol Sp. z o.o	5%	Năm 2020	Bao bì màng mỏng	Không
3	Ardale International Ltd	5%	Năm 2020	Bao bì màng mỏng	Không
4	Japack's Inc	5%	Năm 2020	Bao bì màng mỏng	Không
5	Platec Co.,Ltd	4%	Năm 2020	Bao bì màng mỏng	Không
6	Cainz Corporation	4%	Năm 2020	Bao bì màng mỏng	Không
7	Comco Plast	5,80%	Năm 2021	Bao bì màng mỏng	Không
8	Kompol sp. Z o.o.	4,20%	Năm 2021	Bao bì màng mỏng	Không
9	Ardale International Ltd	3,81%	Năm 2021	Bao bì màng mỏng	Không
10	Japack's Inc	3,28%	Năm 2021	Bao bì màng mỏng	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

Bảng 18: Nhà cung cấp của Công ty

STT	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
1	Lọc hóa dầu Bình Sơn	16%	Năm 2020	Hạt PP	Không
2	Gulf Polymers Distribution	9%	Năm 2020	Hạt PE	Không
3	Sasol Chemicals Pacific	6%	Năm 2020	Hạt PE	Không
4	Chevron Phillips Chemicals Asia	6%	Năm 2020	Hạt PE	Không
5	SABIC Asia Pacific	5%	Năm 2020	Hạt PE	Không
6	Công ty CP Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (16,03%	Năm 2021	Hạt nhựa	Không

STT	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn
	BSR)				
7	Gulf Polymers Distribution company FZCO	11,61%	Năm 2021	Hạt nhựa	Không
8	SABIC Asia Pacific Pte Ltd	9,13%	Năm 2021	Hạt nhựa	Không
9	Công ty TNHH Gc Marketing Solutions Việt Nam	4,50%	Năm 2021	Hạt nhựa	Không
10	Công ty Cổ phần nhựa Châu Âu	3,91%	Năm 2021	Hạt nhựa	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

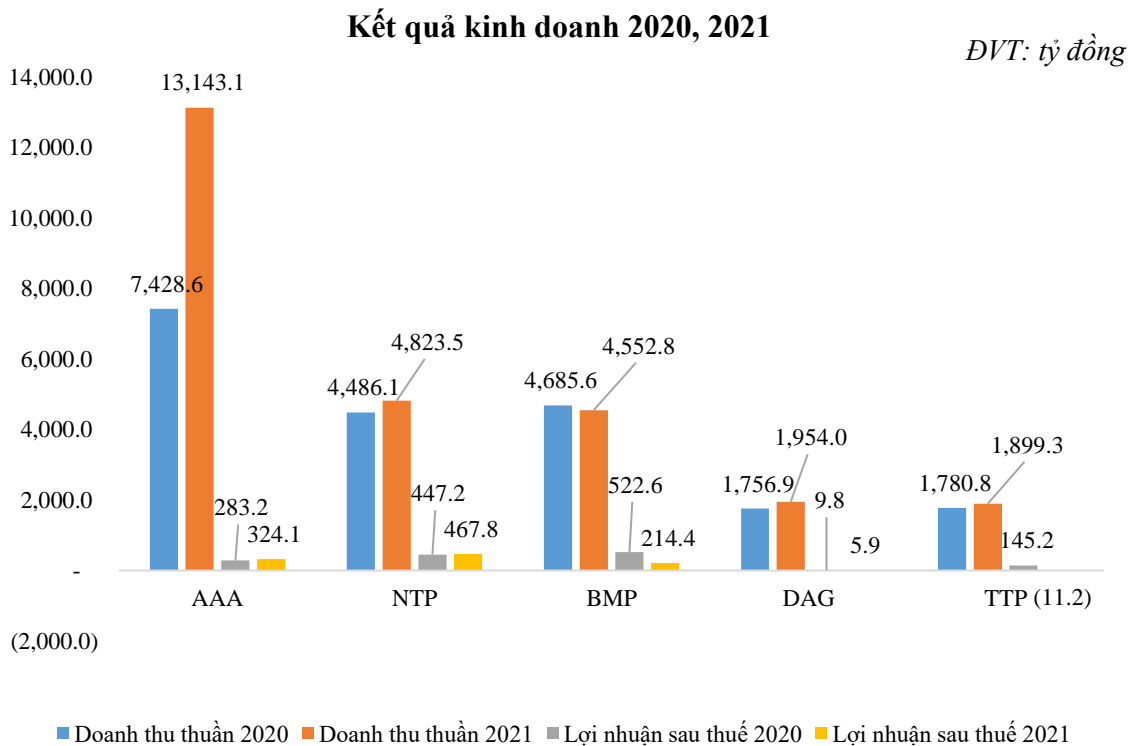
10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hoạt động Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, hoạt động này chiếm tỷ trọng trên 90% cơ cấu doanh thu những năm qua. Tiến hành lựa chọn các doanh nghiệp ngành nhựa hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán để so sánh gồm: Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (NTP), Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP), Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG), Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến (TTP), kết quả so sánh như sau:

[Hết nội dung tại trang này]

Hình 20: Kết quả kinh doanh các doanh nghiệp ngành nhựa năm 2020, 2021



(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán của các Công ty)

Căn cứ kết quả kinh doanh theo biểu đồ trên: Nhựa An Phát Xanh đứng đầu về doanh thu, đứng thứ hai về lợi nhuận sau thuế năm 2021. Cụ thể, doanh thu năm 2021 của Công ty đạt 13.154 tỷ đồng, bỏ xa doanh nghiệp có doanh thu lớn thứ hai là NTP với 4.823 tỷ đồng; tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 324,1 tỷ đồng, thấp hơn lợi nhuận sau thuế của NTP là 467,8 tỷ đồng.

b) Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng phát triển của ngành nhựa nói chung:

Trong 5 năm trở lại đây tăng trưởng ngành nhựa khoảng 16% - 18%/năm², mức tăng trưởng này hiện chỉ đứng sau ngành viễn thông, dệt may và là ngành tương đối hấp dẫn. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường, mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt.

Cả nước hiện có khoảng 2.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động, trong đó 85% là doanh nghiệp nội, 15% là doanh nghiệp ngoại³. Xét về chất lượng đầu tư, doanh nghiệp ngoại chiếm khoảng 40% tổng đầu tư toàn ngành với hệ thống trang thiết bị, máy móc, công nghệ hiện đại nhất hiện nay. Nguồn nhân lực trong doanh nghiệp ngoại có tay nghề và trình độ cao hơn doanh nghiệp nội.

Nhựa được dùng làm nguyên vật liệu để sản xuất nhiều loại sản phẩm thuộc các ngành: điện - điện tử, viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp ... Cùng với

² <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phan-trien-cong-nghiep/diem-nghen-kim-da-phan-trien-cua-nganh-cong-nghiep-nhua-viet-nam.html>

³ <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phan-trien-cong-nghiep/diem-nghen-kim-da-phan-trien-cua-nganh-cong-nghiep-nhua-viet-nam.html>

sự phát triển của khoa học, công nghệ, nhựa còn được ứng dụng và trở thành vật liệu thay thế cho những vật liệu truyền thống như: gỗ, kim loại, silicat ... Do đó, ngành công nghiệp nhựa ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống con người cũng như là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong quá trình sản xuất của các quốc gia.

Năm 2020 vượt qua thách thức của đại dịch, doanh thu của ngành nhựa Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng ở mức 10,9% so với năm 2019 với tổng doanh thu khoảng 22,18 tỷ USD⁴. Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 3,65 tỷ USD, nhưng mức tăng 6,3% so với cùng kỳ năm chỉ bằng một nửa so với năm 2019⁵. Năm 2020 Mỹ vượt qua Nhật Bản trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của sản phẩm nhựa Việt Nam, chiếm 30% trị giá xuất khẩu trong năm 2020. Xuất khẩu tới Mỹ tăng mạnh chủ yếu do tăng xuất khẩu sản phẩm sản nhựa dùng trong xây lắp.

Dự địa tăng trưởng của ngành nhựa Việt Nam được đánh giá còn nhiều do chỉ số tiêu thụ nguyên liệu nhựa bình quân đầu người của Việt Nam còn tương đối thấp so với các nước trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc⁶. Tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người, triển vọng từ các thị trường mới từ các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia (CPTPP, EVFTA, RCEP ...) cũng như tăng trưởng lĩnh vực xây dựng dân dụng, hạ tầng sẽ là động lực tăng trưởng của ngành nhựa Việt Nam trong các năm tới⁷.

Triển vọng ngành nhựa tự hủy sinh học:

Theo nghiên cứu của European Bioplastics, nhựa sinh học chiếm khoảng 1% trong số hơn 359 triệu tấn nhựa được sản xuất hàng năm. Nhu cầu thị trường đang gia tăng và sự xuất hiện của các ứng dụng/ sản phẩm sinh học mới, thị trường nhựa sinh học đang không ngừng phát triển và đa dạng hóa. Năng lực sản xuất nhựa sinh học toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ 2,15 triệu tấn (2020) lên khoảng 2,43 triệu tấn (2024).

[Hết nội dung tại trang này]

⁴ <https://tuoitre.vn/nganh-nhua-van-lep-ve-so-voi-san-pham-ngoai-nhap-20210121171402473.htm>

⁵ <https://tuoitre.vn/nganh-nhua-van-lep-ve-so-voi-san-pham-ngoai-nhap-20210121171402473.htm>

⁶ <https://tuoitre.vn/nganh-nhua-van-lep-ve-so-voi-san-pham-ngoai-nhap-20210121171402473.htm>

⁷ <https://tuoitre.vn/nganh-nhua-van-lep-ve-so-voi-san-pham-ngoai-nhap-20210121171402473.htm>

Hình 21: Sản lượng nhựa sinh học toàn cầu giai đoạn 2018-2024

Đơn vị: triệu tấn



Nguồn: *European Bioplastics*

Nhận thức được ảnh hưởng của rác thải nhựa truyền thống đến môi trường tự nhiên và sức khỏe của con người, theo nghiên cứu của UN Environment và WRI, từ những năm đầu thế kỷ 20 tới nay, đã có ít nhất 127 quốc gia trên thế giới đã áp dụng quy định cấm hoặc hạn chế sử dụng các loại sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học.

Một nghiên cứu tại thị trường Châu Mỹ cho biết: Các nước Châu Mỹ hầu hết đã cấm hoặc đánh thuế cao đối với sản phẩm túi dùng một lần, trong đó những thị trường tiềm năng cho sản phẩm nhựa tự hủy là thị trường Mỹ, Canada, Brazil, Mexico và Argentina. Bên cạnh đó, các chuỗi dịch vụ ăn uống lớn đang có kế hoạch dừng sử dụng hoặc chỉ cung cấp ống hút/cốc dùng một lần cho khách hàng nào yêu cầu. Một số thương hiệu lớn tại Châu Mỹ như Starbucks, McDonald, Brazilian fast food chain Bob's, Mexico-base restaurant TOKS, Outback, Abbraccio đã áp dụng những chính sách này.

Tại Việt Nam, Chính phủ đã cam kết cao trong việc loại bỏ các rác thải nhựa. Phát biểu tại phiên họp về khí hậu môi trường tại Hội nghị thượng đỉnh G20 ngày 29/6/2019 ở Nhật Bản, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cam kết đồng hành cùng các quốc gia giải quyết vấn đề rác thải nhựa. Thủ tướng kêu gọi các cấp các ngành, đoàn thể và toàn xã hội thực hiện phương châm: “nhà nhà hạn chế rác thải nhựa, người người phòng chống ô nhiễm rác thải nhựa, xã hội tiến đến nói không với rác thải nhựa; phấn đấu đến năm 2021 các cửa hàng, các chợ, các siêu thị ở đô thị không sử dụng đồ nhựa dùng một lần; đến năm 2025 cả nước không sử dụng đồ nhựa dùng một lần”. Trước đó, Việt Nam đã tham gia Tuyên bố Bangkok về chống lại rác thải nhựa đại dương được đưa ra trong Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 34.

Với sự phát triển của khoa học công nghệ, ngày nay, con người đã có thể tổng hợp các chất hóa học từ các chế phẩm gốc thực vật có cơ lý tính tương tự và thay thế cho các PE, PP gốc hóa dầu. Các sản phẩm sản xuất từ các vật liệu sinh học này được gọi là sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn, có khả năng phân hủy 100% trong khoảng thời gian

từ 6 đến 12 tháng trong điều kiện tiêu chuẩn. Như vậy, với khả năng công nghệ cùng chính sách cấm sử dụng đồ nhựa dùng 1 lần, xu hướng chuyển dịch từ nhựa truyền thống sang nhựa tự hủy sinh học là rõ ràng và không thể đảo ngược, cả ở Việt Nam và toàn thế giới.

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty:

- Trở thành doanh nghiệp tiên phong trong ngành sản xuất và kinh doanh hóa nhựa Việt Nam, tạo ra giải pháp lớn để thống nhất thị trường trong nước, giữ vững và mở rộng thị phần toàn cầu, tiến tới vị thế dẫn đầu trong ngành nhựa bao bì tại Đông Nam Á;
- Làm chủ công nghệ sản xuất nguyên liệu tự hủy sinh học, hoàn thành chuỗi giá trị tự hủy sinh học từ nguyên vật liệu tới thành phẩm.

Để thực hiện mục tiêu này, Công ty đề ra các giải pháp:

- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để đưa vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa có hàm lượng công nghệ cao, gia tăng doanh thu cho công ty, gia tăng giá trị cho xã hội và các cổ đông.
- Kéo dài chuỗi sản phẩm ngành hóa nhựa từ nguyên vật liệu đầu vào đến đầu ra và sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng, làm gia tăng giá trị ngành, nâng cao sự phát triển của ngành hóa nhựa Việt Nam, gia tăng sức cạnh tranh của ngành sản xuất Việt Nam trên thế giới.
- Mở rộng thị trường, đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới bằng việc nâng cao hình ảnh, uy tín đến từ chất lượng sản phẩm cung cấp cho các khách hàng hiện hữu. Công ty sẽ chú trọng mở rộng thị trường tới Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ Latin, trong đó nâng cao doanh thu về dòng sản phẩm cao cấp.
- Áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại, đặc biệt là: công nghệ sản xuất, công nghệ thông tin, công cụ tăng năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất...
- Đẩy mạnh sản xuất sản phẩm tự hủy sinh học như túi,...từ nguyên liệu compound tự hủy, thân thiện với môi trường.

Định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới:

Xu thế chung ngành nhựa trên thế giới:

Chính sách cấm/áp thuế cao cho sản phẩm nhựa dùng 1 lần được nhiều quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam áp dụng, xu hướng chuyển dịch từ sản phẩm nhựa truyền thống sang nhựa tự hủy sinh học là rất rõ ràng và không thể đảo ngược. Với chiến lược hoàn thiện chuỗi giá trị tự hủy sinh học, Công ty đã trở thành đơn vị tiên phong tại Việt Nam đi trước đón đầu xu thế, không những đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, mà còn góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng.

Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước:

Theo quyết định số 2992/QĐ-BCT ngày 17/06/ 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, theo đó:

Mục tiêu phát triển:

- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Từng bước xây dựng và phát triển ngành Nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, xử lý phế liệu nhựa và chế biến thành nguyên liệu, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vững chắc vào kinh tế khu vực và thế giới.
- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao, để ngành Nhựa Việt Nam phát triển ngang tầm với khu vực và trên thế giới.

Định hướng phát triển:

- Phát triển ngành Nhựa Việt Nam theo hướng hiện đại, tăng cường tự động hóa, từng bước loại bỏ công nghệ, thiết bị cũ, thay thế bằng thiết bị tiên tiến, hiện đại của thế giới, sử dụng công nghệ vật liệu mới đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng, an toàn, vệ sinh, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường theo quy định của Việt Nam và quốc tế.
- Đầu tư phát triển ngành Nhựa đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao, giá thành hạ, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, bảo đảm môi trường sinh thái.
- Huy động tổng hợp mọi nguồn lực trong và ngoài nước tập trung đầu tư các nhà máy sản xuất nguyên liệu, bán thành phẩm, hóa chất, phụ gia cho ngành Nhựa. Bên cạnh đó khuyến khích đầu tư sản xuất khuôn mẫu, phụ tùng, thiết bị cho ngành Nhựa, khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp xử lý phế liệu, phế thải ngành Nhựa.

Như vậy, Nhà nước đã đề ra các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích ngành nhựa Việt Nam phát triển phát triển. Hướng đến phát triển chuỗi giá trị ngành Nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng. Hướng đến sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường để ngành Nhựa Việt Nam phát triển ngang tầm với khu vực và trên thế giới.

10.8 Hoạt động Marketing

Giới thiệu sản phẩm:

Hình thức quảng bá sản phẩm phổ biến được các công ty trong ngành áp dụng là triển lãm, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, phần lớn khách hàng của Công ty là các nhà phân phối nước ngoài, Công ty giới thiệu các sản phẩm của mình tới đối tác khách hàng thông qua các kênh:

Hội chợ bán hàng quốc tế: Hội chợ Interpack tại Đức, Hội chợ bao bì ngành nhựa tại Thái Lan, Hội chợ tại Úc, Nam Phi, Mỹ... và nhiều hội chợ khác tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội;

Đẩy mạnh truyền thông sản phẩm trên các trang thương mại điện tử, quảng bá tích cực tại website: <https://anphatbioplastics.com/>; <https://aneco.com.vn/>

Công ty chú trọng truyền tải thông điệp “môi trường xanh”, “thân thiện với môi trường” thông qua các hoạt động tạo sức ảnh hưởng tới cộng đồng. Đồng thời Công ty tham gia các hội thảo, hội nghị trong nước, quốc tế, chung tay đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường.

Hình 22: Đại diện Công ty tại Hội nghị các giải pháp về chất thải nhựa khu vực biển Đông Nam Á



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Hình 23: ANECO đồng hành cùng người tiêu dùng vì một thế giới xanh



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Chính sách chăm sóc khách hàng

Khách hàng của Công ty hầu hết là những khách hàng lớn, truyền thống, do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Đội ngũ bán hàng phủ sóng cả các kênh online

và offline, sẵn sàng hỗ trợ, tư vấn, chăm sóc khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, với tâm niệm quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, Công ty tổ chức các hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có logo riêng:

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: An Phat Bioplastics Joint Stock Company
- Tên viết tắt: An Phat Bioplastics., JSC
- Logo Công ty:



- Công ty đã đăng ký tên miền: <https://anphatbioplastics.com/>.

Năm 2019, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh, khẳng định quyết tâm trở thành doanh nghiệp xanh với tầm nhìn trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á. Logo được thiết kế cách điệu từ chữ A, biểu tượng dẫn đầu và là chữ cái đầu tiên của thương hiệu An Phát. Hai màu xanh dương và màu xanh lá cây được sử dụng chủ đạo mang nhiều ý nghĩa. Màu xanh dương biểu trưng cho công nghệ, thể hiện xu hướng hội nhập của An Phát trong thời đại công nghệ số 4.0.

Trong logo có chứa một mũi tên đi lên đại diện cho khát vọng tiến lên phía trước, không ngừng nỗ lực của An Phát. Đặc biệt, logo có hình dạng ngọn núi, truyền tải thông điệp về định hướng trở thành chỗ dựa vững chắc, thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt, giúp nâng tầm ngành nhựa Việt Nam.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Nhằm hướng đến mục tiêu trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2021 – 2023, Công tác nghiên cứu và phát triển được Công ty hết sức quan tâm, chú trọng. Hai năm trở lại đây cũng như hiện tại, Công ty đề ra chính sách nghiên cứu và phát triển tập trung vào các hoạt động sau:

- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường và có hàm

lượng kỹ thuật cao;

- Nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiêu hao năng lượng, tăng hiệu quả sản xuất;
- Nghiên cứu việc sử dụng các nguyên vật liệu mới trong quá trình sản xuất sản phẩm;
- Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu đa dạng, khắt khe của thị trường xuất khẩu.

Công ty đánh giá các chính sách nghiên cứu và phát triển đã và đang triển khai đã góp phần rất lớn vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm qua. Điều này được phản ánh trên kết quả kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Bảng 19: Một số chỉ tiêu tình hình hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Lũy kế đến Q1/2022
Tổng giá trị tài sản	6.281.461.653.264	6.968.569.447.912	10,9%	7.192.905.250.843
Doanh thu thuần	4.420.340.979.954	5.129.103.820.636	16,0%	1.377.510.119.532
Lợi nhuận sau thuế	188.157.053.563	187.738.207.281	-0,2%	52.442.553.173

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q1/2022)

Bảng 20: Một số chỉ tiêu tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Q1/2022
Tổng giá trị tài sản	8.569.414.400.908	10.009.526.635.291	16,8%	10.477.077.016.930
Doanh thu thuần	7.428.557.015.044	13.143.109.864.001	76,9%	4.027.684.398.467
Lợi nhuận sau thuế	283.172.810.679	324.143.024.419	14,5%	96.487.927.146

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

Năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp cũng như Công ty trong, kéo theo kết quả kinh doanh năm 2020 của nhiều doanh nghiệp sụt giảm mạnh.

Trước các khó khăn, thách thức chung của nền kinh tế, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra nhiều giải pháp. Trong đó, chính sách về nghiên cứu và phát triển sản phẩm có vai trò quan trọng trong việc đưa ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường, giúp giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, kết quả kinh doanh năm 2020 chỉ sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2019 và tăng trưởng mạnh trong năm 2021.

10.11 Chiến lược kinh doanh

Tổng quan chiến lược:

- Công ty đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp tiên phong trong sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu tại khu vực Đông Nam Á.
- Giữ vững, mở rộng thị phần toàn cầu, củng cố vị trí nhà sản xuất bao bì nhựa màng mỏng lớn nhất khu vực và dẫn đầu trong ngành bao bì thân thiện với môi trường tại khu vực.

Để thực hiện chiến lược trên, Công ty đề ra các giải pháp:

- Tối ưu hóa danh mục sản phẩm, tập trung phát triển các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường, hướng tới đến năm 2023 doanh thu từ bao bì sinh học tự hủy sẽ đóng góp 50% trong doanh thu từ bao bì.

Định hướng này hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh xu hướng chuyển dịch thói quen tiêu dùng sang các sản phẩm thân thiện với môi trường đang diễn ra mạnh mẽ khi các mối lo ngại về môi trường càng trở nên bức thiết hơn trên toàn cầu.

- Ưu tiên đầu tư vào R&D, phát triển sản phẩm mới, tối ưu hóa sản xuất, tiên phong về công nghệ, tăng cường tự động hóa dây chuyền sản xuất.
- Sẵn sàng liên doanh, liên kết, đồng hành với các đối tác chiến lược về công nghệ, kỹ thuật để tiếp nhận chuyển giao công nghệ.
- Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, hướng đến quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất. Đảm bảo hoạt động của Công ty minh bạch, hiệu quả, hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh:

- Đẩy mạnh đầu tư nhà xưởng, dây chuyền sản xuất nhằm mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.
- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, thị trường mới, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường.
- Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá sản phẩm và thương hiệu.

Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, công ty xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời có tiếp thu các nguyên tắc quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất.

Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản

trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh. Các nguyên tắc quản trị Công ty được xây dựng nhằm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

Thời gian thực hiện: năm 2021 – 2026

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến:

Nguồn vốn là yếu tố quan trọng để thực thi chiến lược nêu trên, đặc biệt trong việc đầu tư nhà xưởng, dây chuyền sản xuất nhằm mở rộng quy mô hoạt động. Ngoài nguồn vốn tự có, Công ty sẵn sàng liên doanh, liên kết, đồng hành với các đối tác có thể mạnh về nguồn vốn, công nghệ, kỹ thuật.

Ngoài ra, các giải pháp khác để thực thi chiến lược trên đòi hỏi nguồn vốn không lớn, nguồn vốn và nguồn lực Công ty hiện nay hoàn toàn có thể đáp ứng như: Công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới; Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, hướng đến quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất; Truyền thông, quảng bá sản phẩm và thương hiệu.

10.12 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/03/2022 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 1.843 người, cơ cấu lao động trong Công ty như sau:

Bảng 21: Cơ cấu lao động Công ty

STT	Tiêu chí	Bình quân 2 năm liền trước năm đăng ký chào bán (2020 – 2021)	31/12/2022
I	Số lượng nhân viên	1.897	1.843
II	Phân theo trình độ học vấn		
1	Trình độ trên đại học	3	3

2	Trình độ đại học	164	159
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	190	172
4	Sơ cấp	6	6
5	Khác	1.535	1.503
III	Phân theo thời hạn		
1	Lao động không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	106	109
2	Hợp đồng dài hạn	1.791	1.734
3	Hợp đồng ngắn hạn	-	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc:

Người lao động làm việc tại Công ty theo các ca sản xuất, nhà máy hoạt động liên tục 24/24. Người lao động khi làm việc tại Công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục và các thiết bị bảo hộ lao động, được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc.

Giờ làm việc hành chính đối với nhân viên Công ty: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Công nhân sản xuất được chia ca làm việc để đảm bảo quy trình sản xuất của nhà máy.

Điều kiện làm việc:

Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế thoáng mát, thông gió. Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Hỗ trợ ăn ca:

Đối với mỗi ca làm việc của công nhân, Công ty hỗ trợ 01 bữa ăn chính và 01 bữa ăn phụ, bữa phụ cách bữa chính khoảng 4 giờ đồng hồ. Suất ăn bữa chính là 20.000 đồng/người, suất ăn bữa phụ là 9.000 đồng/người. Công ty còn thực hiện việc tổ chức bữa ăn nâng cao cho nhân viên vào ngày thứ bảy hàng tuần. Công nhân được phục vụ nước giải khát ngay tại nơi làm việc. Nhân viên Công ty cũng được phục vụ bữa ăn trưa.

b) Chính sách tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

c) Chính sách đào tạo

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực. Công ty có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ nhân viên.

Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài cả ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo...

Các cán bộ công nhân viên có yêu cầu học tập cũng được Công ty hỗ trợ chi phí cho các khóa nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn.

d) Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Chính sách lương:

Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bảng cấp, thang bảng lương, lương được chi trả một lần vào ngày 15 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả, tăng năng suất lao động; định kỳ hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, tập thể có thành tích cao trong công việc, nhằm khen thưởng kịp thời đối với người lao động.

Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể, trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến, cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới

Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất.

Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho cán bộ nhân viên trong Công ty.

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công

ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty các năm như sau:

Bảng 22: Tỷ lệ chi trả cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	15%	5%	-
Hình thức chi trả	10% tiền mặt, 5% cổ phiếu	Tiền mặt	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 02 năm trở lại đây, đợt chào bán gần nhất là thời điểm tháng 09/2021, Công ty tăng vốn từ 2.967.599.740.000 đồng lên 3.264.344.960.000 đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 290601/2021/NQ – ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021. Chi tiết đợt tăng vốn này được trình bày tại mục “6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành”

Sau đợt tăng vốn nêu trên, vốn điều lệ Công ty tăng lên, cổ đông không phải nộp tiền mua cổ phiếu, Vốn chủ sở hữu Công ty trước và sau thời điểm tăng vốn không thay đổi.

Trước đó, Tháng 05/2021, Công ty đã tăng vốn từ 2.217.599.740.000 đồng lên 2.967.599.740.000 đồng dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương thức đấu giá công khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 050201/2021/NQ – ĐHĐCĐ ngày 05/02/2021.

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trên theo Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn cụ thể như sau:

13.1 Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Tên Cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (mã AAA)
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá bán bình quân: 14.236 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 75.000.000 cổ phiếu (Bảy mươi lăm triệu cổ phiếu).
- Số lượng cổ phiếu đã bán: 75.000.000 cổ phiếu (Bảy mươi lăm triệu cổ phiếu).
- Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức đấu giá công

khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 1.067.717.254.488 đồng (*Một nghìn không trăm sáu mươi bảy tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi tư nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng*).
- Chi phí phát hành cổ phiếu: 389.100.000 đồng (*Ba trăm tám mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng*).
- Tổng số tiền ròng thu được từ đợt phát hành: 1.067.328.154.488 đồng (*Một nghìn không trăm sáu mươi bảy tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, một trăm năm mươi tư nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng*).
- Thời gian phát hành: trong quý II/2021 và hoàn tất ngày 21 tháng 05 năm 2021
- Ngày nộp tiền mua cổ phiếu: từ ngày 19 tháng 05 năm 2021 đến ngày 20 tháng 05 năm 2021.

13.2 Phương án sử dụng số tiền huy động từ đợt chào bán ra công chúng

13.2.1 Phương án sử dụng vốn

Căn cứ vào kế hoạch sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn đã được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty và các quy định pháp lý có liên quan, cụ thể như sau:

a) Phương án sử dụng vốn đã được công bố

- Nghị Quyết số 050201/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ.
- Nghị Quyết số 040301/2021/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2021.
- Công văn số 2249/UBCK-QLCB ngày 21 tháng 05 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được Báo cáo cáo kết quả chào bán cổ phiếu bán ra công chúng của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh.

Tổng số tiền dự kiến huy động thành công từ đợt phát hành là 1.050.000.000.000 đồng (*Một nghìn không trăm năm mươi tỷ đồng*). Kế hoạch sử dụng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành như sau:

Bảng 23: Phương án sử dụng vốn đã được công bố

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (vay ngân hàng,	778.200.000.000

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
	vay các tổ chức tín dụng; nợ trái phiếu....)	
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu, dịch vụ vận tải,...); Thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp cho người lao động.	271.800.000.000
	Tổng cộng	1.050.000.000.000

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.217.599.740.000 đồng lên 2.967.599.740.000 đồng)

b) Phương án sử dụng vốn thay đổi

Nghị Quyết số 210501/2021/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 05 năm 2021 của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh về việc thông qua bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng năm 2021. Lý do thay đổi là đấu giá thành công bình quân cao hơn giá khởi điểm ban đầu nên số tiền thu được thực tế cao hơn dự kiến ban đầu, đồng thời Công ty có điều chỉnh một số khoản mục vốn lưu động chi tiết, cụ thể:

Bảng 24: Phương án sử dụng vốn được điều chỉnh

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian thực hiện
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng; nợ trái phiếu....)	778.200.000.000	Quý II - Quý III năm 2021
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; vật tư, công cụ, dụng cụ, điện nước, dịch vụ vận tải,...); Thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp, bảo hiểm cho người lao động.	271.800.000.000	Quý II - Quý III năm 2021
3	Trả các khoản lãi vay	17.328.154.488	Quý II - Quý III năm 2021
4	Thanh toán các khoản chi phí liên quan tới đợt phát hành (phí cấp phép chào bán; phí CBTT, phí tư vấn, phí đấu giá, phí kiểm toán vốn góp của các cổ đông và các chi phí khác liên quan).	389.100.000	
5	Tổng cộng	1.067.717.254.488	

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.217.599.740.000 đồng lên 2.967.599.740.000 đồng)

13.2.2 Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Căn cứ vào kế hoạch sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn đã được thông qua tại Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 050201/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 và kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 210501/2021/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 05 năm 2021, số tiền ròng thu được từ đợt phát hành (sau khi trừ phí phát hành) là 1.067.328.154.488 đồng đã được sử dụng từ ngày 21 tháng 05 năm 2021 đến ngày 05 tháng 11 năm 2021 như sau:

Bảng 25: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

STT	Nội dung	Giá trị đầu tư (VND)
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng; nợ trái phiếu....)	778.200.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; vật tư, công cụ, dụng cụ, điện nước, dịch vụ vận tải,...);	221.800.000.000
3	Thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp, bảo hiểm cho người lao động.	50.000.000.000
4	Trả các khoản lãi vay	17.328.154.488
5	Tổng cộng	1.067.328.154.488

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.217.599.740.000 đồng lên 2.967.599.740.000 đồng)

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

- a. Nêu thông tin về những cam kết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn. Trái phiếu chưa đáo hạn: đã nêu tại mục IV.8.3
- b. Cam kết thuê hoạt động theo các hợp đồng thuê đất, thuê nhà xưởng và thuê hoạt động khác:
 - Nhóm Công ty (Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh và các công ty con) hiện đang thuê đất, nhà xưởng, thuê dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Theo BCTC hợp nhất kiểm toán bán niên soát xét năm 2021, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:
 - Đến 1 năm: 7.195.280.455 đồng
 - Từ 1 năm – 5 năm: 18.901.602.905 đồng
 - Trên 5 năm: 54.750.571.390 đồng
- c. Cam kết cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty (Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh và các công ty con) hiện cho thuê nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Theo BCTC hợp nhất kiểm toán bán niên soát xét năm 2021, cam kết về các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

- Đến 1 năm: 106.663.442.089 đồng
- Từ 1 năm – 5 năm: 114.367.661.103 đồng
- Trên 5 năm: 26.770.666.570 đồng

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. Công ty cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung cam kết nêu trên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành từ năm 2019 đến năm 2021

Bảng 26: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh Công ty mẹ

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Lũy kế đến Q1/2022
Tổng giá trị tài sản	6.281.461.653.264	6.968.943.071.053	10,9%	7.192.905.250.843
Doanh thu thuần	4.420.340.979.954	5.129.103.820.636	16,0%	1.377.510.119.532
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	213.571.405.184	227.970.230.605	6,6%	64.773.754.993
Lợi nhuận khác	(407.504.608)	-69.130.126	-83,0%	745.160.651
Lợi nhuận trước thuế	213.163.900.576	227.901.100.479	6,7%	65.518.915.644
Lợi nhuận sau thuế	188.157.053.563	188.111.830.422	-0,2%	52.442.553.173
Tỷ lệ lợi nhuận trả	5%	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Lũy kế đến Q1/2022
cổ tức				
Tỷ lệ cổ tức	5%	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán)

Bảng 27: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Lũy kế đến Q1/2022
Tổng giá trị tài sản	8.569.414.400.908	10.009.526.635.291	16,8%	10.477.077.016.930
Doanh thu thuần	7.428.557.015.044	13.143.109.864.001	76,9%	4.027.684.398.467
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	310.923.164.415	405.101.528.404	30,3%	122.181.663.503
Lợi nhuận khác	7.825.352.131	-7.233.476.408	- 192,4%	734.710.228
Lợi nhuận trước thuế	318.748.516.546	397.868.051.996	24,8%	122.916.373.731
Lợi nhuận sau thuế	283.172.810.679	324.143.024.419	14,5%	96.487.927.146
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	5%	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a) Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Các yếu tố thuận lợi:

(1) *Tiềm năng tăng trưởng ngành:*

Theo Hiệp hội nhựa ngành Nhựa đang được coi là một ngành năng động trong nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng đó xuất phát từ thị trường rộng, tiềm năng lớn và đặc biệt là vì ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới và sản phẩm nhựa được sử dụng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống bao gồm sản phẩm bao bì nhựa, sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa gia dụng và sản phẩm

nhựa kỹ thuật cao.

Thói quen ưa chuộng sử dụng sản phẩm nhựa trong cuộc sống thường ngày của người Việt, đặc biệt là các loại bao bì nhựa, nên, nhu cầu sử dụng nhựa của Việt Nam tương đối cao.

Với mức tăng trưởng kinh tế ổn định, đặc biệt nhu cầu ngành xây dựng, hạ tầng, tiêu dùng cũng như thu nhập bình quân đầu người gia tăng (cùng với đó là sự gia tăng của tầng lớp trung lưu khiến nhu cầu mua sắm gia tăng) sẽ là động lực chính cho đầu ra ngành công nghiệp nhựa trong nước.

(2) Các hiệp định thương mại tự do (FTA) mang đến nhiều cơ hội:

Các hiệp định tự do thương mại Việt Nam đã và đang ký kết như FTAs, EVFTA, CPTPP và RCEP cũng là những yếu tố tích cực giúp cho sản phẩm nhựa Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh khi xuất khẩu sang các thị trường khác. Đặc biệt, RCEP sẽ giúp các công ty Việt Nam mở rộng phạm vi khu vực nguồn nguyên liệu được đảm bảo yêu cầu quy tắc xuất xứ (nếu nguồn nguyên liệu sản xuất của các công ty Việt Nam được nhập từ 1 trong 16 nước như Australia, Newzealand, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước khu vực Đông Nam Á... đều đáp ứng quy tắc xuất xứ) để được hưởng ưu đãi giảm thuế xuất khẩu còn từ 0% -5%.

Khó khăn:

(1) Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào:

Theo hiệp hội nhựa Việt Nam ngành nhựa Việt Nam phải nhập khẩu 80% – 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất, nguyên liệu chiếm khoảng 75% – 80% giá thành của sản phẩm. Giá nhập khẩu nguyên liệu nhựa phụ thuộc giá dầu, khí thiên nhiên, than đá trên thế giới; khi có sự thay đổi của những yếu tố trên sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhựa, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giải quyết tình trạng này, Công ty cập nhật thông tin và sử dụng các sản phẩm hedging hàng hóa để kiểm soát giá thành. Ngoài ra, Công ty con hoạt động trong lĩnh vực thương mại hạt nhựa nhờ quy mô thương mại lớn đã giúp Công ty đảm bảo ổn định nguồn cung nguyên vật liệu với giá cả cạnh tranh trên thị trường.

(2) Chính sách bảo vệ môi trường:

Nhiều quốc gia trên thế giới đã hạn chế sử dụng túi nilon do lo ngại ảnh hưởng về môi trường từ những sản phẩm khó phân hủy. Theo nhận định của các nhà lập pháp và khoa học thì việc sử dụng quá nhiều túi nilon không phân hủy hiện nay làm gia tăng nghiêm trọng sự bào mòn nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng sâu sắc tới môi trường sống, do đó đã áp dụng các chính sách hạn chế sử dụng túi nilon thông thường.

Vì vậy, việc chuyển đổi sang các sản phẩm thân thiện với môi trường là xu hướng tất yếu, được cả các Chính phủ trên toàn cầu và người tiêu dùng ủng hộ. Nắm bắt được xu thế này, Công ty đã nghiên cứu và sản xuất thành công dòng bao bì nhựa tự phân hủy - sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe về môi trường của thế giới. Sản phẩm túi tự hủy của công ty được chứng nhận khả năng phân hủy theo tiêu chuẩn châu Âu với Seedling logo và chứng nhận OK HOME COMPOST. Do đó,

chính sách hạn chế sử dụng túi nilon không phân huỷ không làm ảnh hưởng nhiều tới Công ty.

b) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: không có

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 28: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Vốn cổ phần đã phát hành	2.217.599.740.000	3.264.344.960.000	3.264.344.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	692.089.189.329	712.606.123.817	712.606.123.817
Quỹ đầu tư phát triển	72.330.911.673	72.330.911.673	72.330.911.673
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.612.477.781	11.612.477.781	11.612.477.781
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	303.036.563.437	304.763.373.006	357.205.926.179
Tổng vốn chủ sở hữu	3.296.668.882.220	4.365.657.846.277	4.418.100.399.450

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q1/2022)

Bảng 29: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu hợp nhất

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Vốn cổ phần đã phát hành	2.217.599.740.000	3.264.344.960.000	3.264.344.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	692.089.189.329	712.591.123.817	712.591.123.817
Vốn khác của chủ sở hữu	26.544.930.000	26.544.930.000	44.744.930.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.007.294.337)	(9.142.474.446)	(12.643.337.341)
Quỹ đầu tư phát triển	80.481.616.464	80.481.616.464	80.481.616.464
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.177.404.323	13.177.404.323	13.177.404.323
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	568.716.740.171	706.493.529.920	712.807.348.143
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	426.375.132.551	659.890.646.972	558.394.575.559
Tổng vốn chủ sở hữu	4.023.962.458.501	5.454.381.737.050	5.373.898.620.965

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 3 - 50 năm

- Máy móc, thiết bị : 4 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 3 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng : 3 - 10 năm
- Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm : 5 - 30 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác : 3 - 12 năm
- Quyền sử dụng đất : 18 - 49 năm
- Phần mềm máy tính : 3 - 6 năm

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định.

c) Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân của người lao động công ty đạt 10.000.000 đồng/tháng. Công ty đánh giá mức lương bình quân này tương đương với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

d) Tình hình công nợ

Tình hình các khoản phải thu của Công ty:

Bảng 30: Tình hình các khoản phải thu Công ty mẹ

DVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.328.600.011.002	1.264.199.536.491	1.186.538.826.587
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	483.117.365.403	798.676.331.269	961.258.794.019
Trả trước cho người bán ngắn hạn	120.096.382.847	93.593.632.830	114.119.251.278
Phải thu về cho vay ngắn hạn	97.177.390.561	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	628.208.872.191	371.929.572.392	111.160.781.290
Các khoản phải thu dài hạn	50.987.169.081	112.602.224.464	112.602.224.464
Phải thu dài hạn của khách hàng	35.000.000.000	97.326.405.383	97.326.405.383
Phải thu dài hạn khác	15.987.169.081	15.275.819.081	15.275.819.081

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q1/2022)

Bảng 31: Tình hình các khoản phải thu hợp nhất

DVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.669.170.204.812	1.795.468.441.466	2.348.160.848.783

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	593.031.603.446	1.136.560.751.303	1.344.951.190.371
Trả trước cho người bán ngắn hạn	790.942.957.319	369.721.515.275	663.295.939.185
Phải thu về cho vay ngắn hạn	42.643.890.561	84.906.400.000	246.463.950.000
Phải thu ngắn hạn khác	254.298.459.186	215.105.974.668	104.276.779.907
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.746.705.700)	(10.826.199.780)	(10.827.010.680)
Các khoản phải thu dài hạn	173.910.564.469	278.966.433.205	232.828.224.110
Phải thu dài hạn của khách hàng	42.725.601.801	217.828.798.677	202.999.965.412
Phải thu về cho vay dài hạn	114.055.000.000	44.699.588.400	13.390.050.000
Phải thu dài hạn khác	17.129.962.668	16.438.046.128	16.438.208.698

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn:

Các khoản phải thu quá hạn tại ngày 31/12/2020 là 15.915.757.500 đồng, trong đó nợ có khó năng thu hồi là 4.169.051.800 đồng, nợ xấu không có khả năng thu hồi là 11.746.705.700 đồng, Công ty cũng đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi là 11.746.705.700 đồng, chi tiết như sau:

- Các khoản nợ quá hạn trên 1 năm: 11.746.705.700 đồng

Các khoản phải thu quá hạn tại ngày 31/12/2021 là 10.826.199.780 đồng, trong đó nợ có khả năng thu hồi là 0 đồng, nợ xấu không có khả năng thu hồi là 10.826.199.780 đồng, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi là 10.826.199.780 đồng.

Các khoản phải thu quá hạn của Công ty đều đến từ hoạt động thương mại hạt nhựa của Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (Công ty con của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh) với khách hàng, và theo đánh giá của Công ty thì khả năng thu hồi các khoản phải thu quá hạn này khá thấp. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị các khoản phải thu quá hạn không có khả năng thu hồi.

Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty:

Bảng 32: Tình hình các khoản nợ phải trả Công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Nợ ngắn hạn	2.689.123.721.510	1.848.167.342.009	2.035.033.505.403
Phải trả người bán ngắn hạn	415.102.492.838	336.952.657.033	385.764.003.680

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	49.535.070.294	41.338.200.595	36.098.838.882
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.812.745.067	21.169.387.558	13.600.356.680
Phải trả người lao động	17.593.718.131	32.317.692.196	15.759.187.822
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.212.831.306	6.349.535.696	23.914.986.310
Phải trả ngắn hạn khác	5.065.238.775	3.114.447.860	4.551.949.168
Vay ngắn hạn	2.181.799.035.431	1.403.105.977.583	1.555.321.982.881
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.589.668	3.819.443.488	22.199.980
Nợ dài hạn	295.669.049.534	754.744.259.626	739.771.345.990
Phải trả người bán dài hạn	37.686.214.789	-	
Vay dài hạn	257.982.834.745	754.744.259.626	739.771.345.990
Tổng cộng	2.984.792.771.044	2.602.911.601.635	2.774.804.851.393

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q1/2022)

Bảng 33: Tình hình các khoản nợ phải trả hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Nợ ngắn hạn	3.772.834.861.366	3.282.339.419.557	3.838.441.760.839
Phải trả người bán ngắn hạn	542.479.516.287	609.834.689.481	791.315.903.134
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	106.523.885.106	147.979.129.414	193.173.188.077
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20.412.399.497	39.202.557.924	29.785.128.456
Phải trả người lao động	30.484.477.756	44.367.894.217	27.310.581.187
Chi phí phải trả ngắn hạn	23.311.616.663	21.534.971.150	36.207.239.559
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	88.300.646.698	66.065.977.511	41.615.911.785
Phải trả ngắn hạn khác	17.095.593.461	162.955.107.399	306.364.350.430
Vay ngắn hạn	2.943.359.269.628	2.183.181.098.128	2.408.188.617.527
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	867.456.270	7.217.994.333	4.480.840.684
Nợ dài hạn	772.617.081.041	1.272.805.478.684	1.264.736.635.126
Phải trả người bán dài hạn	25.253.997.253	887.312.160	826.089.100
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	101.907.915.696	89.443.518.069	80.216.979.241
Phải trả dài hạn khác	6.111.802.618	6.476.802.623	18.981.944.934
Vay và nợ dài hạn	617.146.847.843	1.175.997.845.832	1.164.711.621.851

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22.196.517.631	-	
Tổng cộng	4.545.451.942.407	4.555.144.898.241	5.103.178.395.965

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

e) Các khoản phải trả:

- Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn: được nêu chi tiết bên trên (mục “d) Tình hình công nợ”)
- Tình hình thanh toán các khoản nợ: Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc đến hạn.
- Thông tin về trường hợp Công ty, công ty con vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết; nguyên nhân và giải pháp khắc phục: không có.

g) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, các khoản phí/lệ phí khác... theo quy định của pháp luật.

Bảng 34: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.594.722.177	21.139.270.057	13.076.362.471
Thuế giá trị gia tăng	5.277.149.645	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	61.934.311	30.117.501	35.352.649
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế khác	1.878.938.934	-	488.641.560
Tổng cộng	13.812.745.067	21.169.387.558	13.600.356.680

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q1/2022)

Bảng 35: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế giá trị gia tăng	12.034.757.812	526.013.454	192.938.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.816.775.437	37.644.622.463	28.667.421.158

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế thu nhập cá nhân	547.247.866	712.592.450	408.258.818
Các loại thuế, phí khác	2.013.618.382	319.329.557	516.510.235
Tổng cộng	20.412.399.497	39.202.557.924	29.785.128.456

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

h) Trích lập các quỹ

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và luật có liên quan. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 36: Số dư các quỹ Công ty mẹ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Quỹ đầu tư và phát triển	72.330.911.673	72.330.911.673	72.330.911.673
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.612.477.781	11.612.477.781	11.612.477.781
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.589.668	3.819.443.488	22.199.980
Tổng cộng	83.945.979.122	87.762.832.942	83.965.589.434

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q1/2022)

Bảng 37: Số dư các quỹ hợp nhất

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Quỹ đầu tư và phát triển	80.481.616.464	80.481.616.464	80.481.616.464
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.177.404.323	13.177.404.323	13.177.404.323
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	867.456.270	7.217.994.333	4.480.840.684
Tổng cộng	94.526.477.057	100.877.015.120	98.139.861.471

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q1/2022)

i) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: không có

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ:

Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,01	1,70
- Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,85	1,44
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,48	0,37
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,91	0,60
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,95	0,77
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	1,65	1,75
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,09	10,27
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,26%	3,66%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	4,06%	2,83%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	6,29%	4,90%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất:

Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,19	1,63
- Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,94	1,33

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,46
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1,13	0,84
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,90	1,41
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	1,57	2,67
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6,14	12,18
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,81%	2,47%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	3,42%	3,49%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	7,78%	6,84%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	982	994

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán)

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của Tổ chức phát hành

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020, 2021, theo đó:

a) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất

đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

b) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:

Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:

Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

a) Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2021
Doanh thu thuần	13.143.109.864.001	14.100.000.000.000	7,3%
Lợi nhuận sau thuế	324.143.024.419	550.000.000.000	69,7%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,5%	3,9%	58,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	6,8%	15,1%	120,9%
Tỷ lệ cổ tức	-	10%	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

b) Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Số liệu phòng kế toán tạm ước tính, chưa được Đại hội đồng cổ đông hay HĐQT thông qua

c) Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

(1) Căn cứ vào năng lực sản xuất kinh doanh:

Năng lực sản xuất bao bì đạt khoảng 10.000 tấn/ tháng, các nhà máy của Công ty được đầu tư dây chuyền sản xuất đồng bộ, hiện đại, sản phẩm sản xuất có chất lượng cao, phục vụ các thị trường khó tính như Nhật, Châu Âu ...

(2) Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty

- Đối với sản phẩm nhựa, bao bì nilon: Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, hiện chi phí sản xuất tại Trung Quốc tăng vọt khiến giá thành sản phẩm của Trung Quốc không còn rẻ như trước nữa mà ngang bằng với Việt Nam. Thêm vào đó là các chính sách khắt khe của Trung Quốc đã đẩy các nhà nhập khẩu khỏi thị trường này. Đây là một trong những thuận lợi mà thị trường thế giới đã tạo ra cho các doanh nghiệp nhựa nói chung và Công ty nói riêng.
- Đối với bất động sản khu công nghiệp: Theo Savills Việt Nam, trong điều kiện bất động sản khu công nghiệp miền Bắc phát triển mạnh mẽ, tỷ lệ lấp đầy cao tại Hà Nội (90%) và giá thuê đất đỏ, khiến các doanh nghiệp có xu hướng chọn điếm đến là các tỉnh vùng ven có cơ sở hạ tầng, giao thông phù hợp như Bắc Ninh, Hải Dương, Vĩnh Phúc, ... Làn sóng di dời nhà máy khỏi Trung Quốc sang các nước Đông Nam Á, trong đó Việt Nam là một lựa chọn tiềm năng sẽ làm tăng nhu cầu thuê đất xây dựng nhà xưởng. Từ đó mở ra cơ hội cho lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp của Công ty.

d) Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

Tổ chức tư vấn đã thu thập và xem xét các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh cung cấp. Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh cam kết và đảm bảo rằng các thông tin, số liệu cung cấp cho Tổ chức tư vấn là đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tổ chức tư vấn nhận thấy Công ty có bề dày hoạt động trong ngành, đội ngũ cán bộ nhân viên, Ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm, năng động. Sản phẩm Công ty cung cấp có tính cạnh tranh cao, có chỗ đứng trên thị trường, sản phẩm được xuất khẩu đến nhiều quốc gia trên thế giới.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tình hình thị trường tiêu thụ sản phẩm. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức có thể đạt được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về tình hình thị trường là sát với thực tế và không có các biến động lớn ảnh hưởng cũng như kiểm soát tốt các chi phí.

Lưu ý rằng những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo và không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

“Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp năm 2009, đến nay đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Tên cổ đông: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01/03/2022
- Trụ sở chính: Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ: 2.511.991.480.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân Cường – Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn tại tổ chức phát hành: Ông Đinh Xuân Cường – chức vụ: Tổng Giám đốc
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

	Thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 29/05/2017)	Hiện tại	Dự kiến sau đợt chào bán
1. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh			
- Số lượng cổ phần nắm giữ	6.785.950	158.987.394	tùy thuộc vào kết quả đấu giá
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	11,91%	48,7%	tùy thuộc vào kết quả đấu giá

	Thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 29/05/2017)	Hiện tại	Dự kiến sau đợt chào bán
2. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan với Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh			
Không có			

- Đối với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với các đối tượng này: Không có Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là Công ty mẹ, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh nên được hưởng tất cả các lợi ích mà cổ đông được hưởng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ Công ty, ngoài ra thì không được hưởng bất kỳ lợi ích nào khác từ Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh.
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không
- Mối quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Phạm Ánh Dương – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: để kiểm soát xung đột lợi ích, Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị công ty, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Đồng thời, Công ty có cơ chế giám sát, công bố thông tin theo quy định pháp luật để cổ đông được biết và giám sát.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
A	Hội đồng quản trị	
1	Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
4	Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT
6	Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT
7	Bà Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
B	Ban kiểm soát	

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Phượng	Kiểm soát viên
3	Văn Thị Lan Anh	Kiểm soát viên
C	Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	
1	Nguyễn Lê Trung	Tổng giám đốc
2	Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Thị Thùy Vân	Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

a) Ông Phạm Ánh Dương - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Phạm Ánh Dương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/05/1976
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Tổ 19, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Số CMND: 012144877 Nơi cấp: CA TP Hà Nội Ngày cấp: 08/06/2007
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1998 – 2000	Nhân viên Kế toán	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC
2000 – 2002	Kế toán trưởng	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo
2002 – 2007	Giám đốc	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 – nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
2007 – 05/2012	Chủ tịch HĐQT	CTCP Đầu tư An Phát
2009 – 2015	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2010 – 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
01/2021 – 04/2021	Chủ tịch HĐQT	CTCP Sản xuất PBAT An Phát
04/2017 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (ông Phạm Ánh Dương là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings) sở hữu 158.987.394 cổ phần, chiếm 48,7% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: thông tin về Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là người có liên quan của Ông Phạm Ánh Dương đồng thời là cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh được nêu tại Khoản 2 mục VI phần thông tin cổ đông lớn.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch được nêu chi tiết tại mục “10.5 Các hợp đồng lớn”, “10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn” và các Báo cáo tài chính được công ty công bố
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, 2020, 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

b) Ông Nguyễn Lê Trung – Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Lê Trung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/11/1976

- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 3, ngõ 39, Nguyễn Phúc Lai, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 013164787 Ngày cấp: 08/06/2007 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1998 – 2002	Nhân viên	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS
2002 – 2007	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 – 2009	Kế toán trưởng	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
2007 – 05/2012	Thành viên HĐQT	CTCP Đầu tư An Phát
2009 – 2015	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiên Industries)
7/2011 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	CTCP Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
06/2017 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (ông Nguyễn Lê Trung là Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings) sở hữu 158.987.394 cổ phần, chiếm 48,7% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: thông tin về Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là người có liên quan của Ông Nguyễn Lê Trung đồng thời là cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh được nêu tại Khoản 2 mục VI phần thông tin cổ đông lớn.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch được nêu chi tiết tại mục “10.5 Các hợp đồng lớn”, “10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn” và các Báo cáo tài chính được công ty công bố.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, 2020, 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

c) Ông Nguyễn Lê Thăng Long – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Lê Thăng Long
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/10/1984
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 25B Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
- Số CCCD: 001084022268 Ngày cấp: 29/03/2017
- Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Khoa học Vật liệu
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/2013-11/2016	Công ty Mobidiag France	Chuyên viên phát triển sản xuất
11/2017-08/2018	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển
08/2018-08/2019	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	Phó Giám đốc Ban Nghiên cứu và Phát triển
09/2019-01/2021	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	Giám đốc Ban Nghiên cứu và Phát triển
11/2018-03/2020	CTCP Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT
11/2019-nay	Ankor Bioplastics Co., Ltd	Thành viên HĐQT

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
01/2020-nay	CTCP AnBio	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
01/2021-nay	Công ty cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Thành viên HĐQT kiêm TGD
06/2021-nay	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
06/2021-nay	CTCP Nhựa An Phát Xanh	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Sản xuất PBAT An Phát
 - Thành viên HĐQT Công ty AnKor Bioplastics Co., Ltd
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP AnBio
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (Ông Nguyễn Lê Thăng Long là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị) sở hữu 158.987.394 cổ phần, chiếm 48,7% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: thông tin về Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là người có liên quan của Ông Nguyễn Lê Thăng Long đồng thời là cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh được nêu tại Khoản 2 mục VI phần thông tin cổ đông lớn.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch được nêu chi tiết tại mục “10.5 Các hợp đồng lớn”, “10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn” và các Báo cáo tài chính được công ty công bố
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác

hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

d) Bà Hòa Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Hòa Thị Thu Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/11/1978
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Khu 5, phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 022178001014 Ngày cấp: 24/11/2016
- Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2000 - 2002	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Khang Vinh
2003 - 2005	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Hưng Việt
2005 - 3/2007	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2006 - 2009	Trưởng phòng kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2010 - 3/2018	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
4/2018 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
6/2020 - Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
07/2019 - Nay	Phó Giám đốc Ban tài chính	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội;
 - Phó Giám đốc Ban Tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, 2020, 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

e) Ông Đinh Xuân Cường – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đinh Xuân Cường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/08/1976
- Nơi sinh: Hoa Lư – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 31/115, Trần Cung, Hà Nội
- Số CMND: 011976518 Ngày cấp: 06/06/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2003 – 2006	Trader	Calyon Corporate & Investment Bank, Paris, Pháp
2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	INB Investment, Việt Nam
2011	Phó Tổng Giám đốc	Tập đoàn Ocean
7/2017 đến 05/2021	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
2/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
09/2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
08/2017 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
09/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	Ankor Bioplastics Co., Ltd.
04/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Sản xuất PBAT An Phát

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách công tác đối ngoại và quan hệ quốc tế kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings;
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần An Tiến Industries;
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát;
 - Thành viên HĐQT Công ty Ankor Bioplastics Co., Ltd.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (Ông Đinh Xuân Cường là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings) sở hữu 158.987.394 cổ phần, chiếm 48,7% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (Ông Đinh Xuân Cường là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings) sở hữu 158.987.394 cổ phần, chiếm 48,7% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: thông tin về Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là người có liên quan của Ông Đinh Xuân Cường đồng thời là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh được nêu tại Khoản 2 mục VI phần thông tin cổ đông lớn.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch được nêu chi tiết tại mục “10.5 Các hợp đồng lớn”, “10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn” và các Báo cáo tài chính được công ty công bố
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, 2020, 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

f) Bà Nguyễn Thị Tiệp – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tiệp
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/10/1985
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Phòng 1701, Tầng 17, Chung cư A5 An Bình City, 232 Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND: 142275774 Ngày cấp: 31/12/2017 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
07/2007 – 07/2008	Nhân viên hành chính	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
08/2008 – 08/2009	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
09/2009 – 09/2010	Chuyên viên Ban Thư ký	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
10/2010 – 12/2017	Trưởng ban Thư ký	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
01/2018 – 05/2019	Phó chánh văn phòng	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
05/2019 đến nay	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
09/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
02/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc nội chính Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (Bà Nguyễn Thị Tien là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings) sở hữu 158.987.394 cổ phần, chiếm 48,7% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: thông tin về Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings là người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Tien đồng thời là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh được nêu tại Khoản 2 mục VI phần thông tin cổ đông lớn.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Thông tin về các hợp đồng, giao dịch được nêu chi tiết tại mục “10.5 Các hợp đồng lớn”, “10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn” và các Báo cáo tài chính được công ty công bố
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

g) Bà Trần Thị Thoản – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Trần Thị Thoản
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 27/07/1985
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: thị trấn Nam Sách, Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 030185005251 Ngày cấp: 22/03/2017 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2007 – 09/2009	Phụ trách Đối ngoại	Công ty TNHH XQ Việt Nam
2009 – 12/2015	Giám đốc trung tâm kinh doanh	CTCP Nhựa An Phát Xanh
12/2015 – 03/2017	Phó Tổng giám đốc Phụ trách kinh doanh	CTCP Nhựa An Phát Xanh
03/2017 – 02/2018	Phó Tổng giám đốc Phụ trách sản xuất	CTCP Nhựa An Phát Xanh
03/2018 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực	CTCP Nhựa An Phát Xanh
02/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa An Phát Xanh

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ: Không
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.2 Ban kiểm soát

a) Bà Nguyễn Thị Giang - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Giang
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/11/1983

- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số 47, Ngõ 1, Đường Hoàng Ngân, Khu 2, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 142017624 Ngày cấp: 13/06/2013 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2008 đến 2015	Kế toán	CTCP Nhựa An Phát xanh
2015 đến 03/2016	Ban kiểm soát nội bộ	CTCP Nhựa An Phát xanh
03/2016 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát	CTCP Nhựa An Phát xanh

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ: không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp Kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không

b) Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm soát viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phượng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 17/01/1989
- Nơi sinh: Hải Dương

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Hợp Tiến, Nam Sách, Hải Dương
- Số CMND: 142407306 Ngày cấp: 12/05/2005 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2011 đến nay	Nhân viên	CTCP Nhựa An Phát Xanh
06/2018 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	CTCP Nhựa An Phát Xanh

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Kiểm soát viên
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ: Không
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, 2020, 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp Kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

c) Bà Văn Thị Lan Anh - Kiểm soát viên

- Họ và tên: Văn Thị Lan Anh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 29/06/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Số nhà 03, tổ 33, thị trấn Đông Anh, Hà Nội

- Số CMND: 011873650 Ngày cấp: 25/02/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2002 đến 09/2004	Công nhân	Công ty xây lắp điện 4
10/2004 đến 03/2007	Nhân viên văn phòng	Công ty TNHH Anh Hai Duy
03/2007 đến nay	Nhân viên văn phòng	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
04/2009 đến nay	Thành viên ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Kiểm soát viên
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kiểm soát viên và những người có liên quan của họ: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, 2020, 2021 và quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.3 Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

a) Ông Nguyễn Lê Trung - Tổng giám đốc

Thông tin chi tiết được nêu tại mục “3.1 Hội đồng quản trị” nêu trên

b) Bà Hòa Thị Thu Hà - Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính

Thông tin chi tiết được nêu tại mục “3.1 Hội đồng quản trị” nêu trên

c) Bà Trần Thị Thoản - Phó Tổng Giám đốc thường trực

Thông tin chi tiết được nêu tại mục “3.1 Hội đồng quản trị” nêu trên

d) Ông Ngô Văn Thụ - Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất

- Họ và tên: Ngô Văn Thụ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/08/1982
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thôn Lũy Dương- Xã Gia Lương – Huyện Gia Lộc – Tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 030082006458 Ngày cấp: 31/01/2018 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa hữu cơ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2005 - 2009	Điều phối viên Kỹ thuật	Công ty TNHH Sơn Joton
2009 đến nay	Giám đốc Nhà máy	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
08/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
3/2022 đến nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Phó Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ: Không
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo quy chế lao động của Công ty

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp Phó Tổng Giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

d) Bà Lâm Thị Hiền - Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

- Họ và tên: Lâm Thị Hiền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 26/02/1987
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Công Đình, Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội
- Số CMND: 012763793 Ngày cấp: 09/06/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Quốc tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
5/2010 - 4/2011	Nhân viên bán hàng quốc tế	Công ty cổ phần Visimex
5/2011 - 5/2012	Trưởng phòng bán hàng quốc tế - Văn phòng Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Visimex
7/2012 - 3/2015	Trưởng nhóm bán hàng quốc tế	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
4/2015 – 2/2017	Phó phòng Bán hàng Quốc tế	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
3/2017 - 9/2020	Trưởng phòng bán hàng quốc tế	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
10/2020 – nay	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Kinh doanh
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Phó Tổng Giám đốc và những người có liên quan của họ: Không
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp Phó Tổng Giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

e) Bà Nguyễn Thị Thùy Vân - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Vân
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 07/11/1984
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Quang Khải – Tứ Kỳ – Hải Dương
- Số CMND: 030184008761 Ngày cấp: 12/03/2018 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2009-2016	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
2016-2018	Phó phòng Kế toán	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
4/2018 - nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: theo quy chế lao động của Công ty
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: không
- Trường hợp Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 100.000.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.000.000.000.000 đồng (*Một nghìn tỷ đồng*)

5. Giá chào bán dự kiến

Giá khởi điểm bán đấu giá: 12.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp phương pháp giá trị sổ sách; bình quân giá thị trường (giá đóng cửa) cổ phiếu AAA và có cân nhắc các yếu tố khác để tăng tính hấp dẫn của đợt chào bán, cụ thể như sau:

a) Phương pháp giá trị sổ sách

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Giá trị cổ phiếu ưu đãi - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành}}$$

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	
		(BCTC riêng bán)	(BCTC hợp nhất)

		niên soát xét tại ngày 30/06/2021)	bán niên soát xét tại ngày 30/06/2021)
1	Vốn chủ sở hữu	4.414.221.429.949	5.215.425.290.450
2	Giá trị cổ phiếu ưu đãi	-	-
3	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	454.318.963.753
4	Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	296.759.974	296.759.974
5	Giá trị sổ sách	14.875	16.044

b) Bình quân giá thị trường (giá đóng cửa) cổ phiếu AAA 30 phiên giao dịch từ ngày 08/11/2021 đến ngày 17/12/2021:

STT	Ngày	Mã chứng khoán	Giá đóng cửa (đồng)
1	17/12/2021	AAA	18.600
2	16/12/2021	AAA	18.700
3	15/12/2021	AAA	18.500
4	14/12/2021	AAA	18.350
5	13/12/2021	AAA	17.650
6	10/12/2021	AAA	17.000
7	9/12/2021	AAA	16.800
8	8/12/2021	AAA	16.600
9	7/12/2021	AAA	16.550
10	6/12/2021	AAA	16.250
11	3/12/2021	AAA	16.900
12	2/12/2021	AAA	17.550
13	1/12/2021	AAA	17.400
14	30/11/2021	AAA	16.850
15	29/11/2021	AAA	16.800
16	26/11/2021	AAA	16.900
17	25/11/2021	AAA	17.100
18	24/11/2021	AAA	17.000
19	23/11/2021	AAA	17.100
20	22/11/2021	AAA	16.600
21	19/11/2021	AAA	17.500
22	18/11/2021	AAA	18.600
23	17/11/2021	AAA	17.900

STT	Ngày	Mã chứng khoán	Giá đóng cửa (đồng)
24	16/11/2021	AAA	17.800
25	15/11/2021	AAA	18.400
26	12/11/2021	AAA	18.300
27	11/11/2021	AAA	18.000
28	10/11/2021	AAA	18.150
29	9/11/2021	AAA	17.100
30	8/11/2021	AAA	17.250
Trung bình			17.473

(Nguồn: Công ty tổng hợp)

c) Tổng hợp phương pháp tính giá:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng/cổ phiếu)
1	Giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách (BCTC riêng bán niên soát xét tại ngày 30/06/2021)	14.875
2	Giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách (BCTC hợp nhất bán niên soát xét tại ngày 30/06/2021)	16.044
3	Bình quân giá thị trường (giá đóng cửa) cổ phiếu AAA 30 phiên giao dịch	17.473
Trung bình		16.130

Căn cứ đề xuất mức giá phát hành: căn cứ kết quả tổng hợp phương pháp tính giá, tình hình thị trường chứng khoán, nhằm tăng tính hấp dẫn của đợt chào bán và đảm bảo đợt chào bán diễn ra thành công, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua mức giá khởi điểm bán đầu giá cổ phiếu là 12.000 đồng/cổ phiếu.

Như vậy, giá khởi điểm bán đầu giá cổ phiếu được xác định bằng 80,67% giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng được soát xét kỳ gần nhất và bằng 74,79% giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất được soát xét kỳ gần nhất, và bằng 68,68% so với giá bình quân cổ phiếu AAA đang được giao dịch trên thị trường.

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu sẽ được chào bán ra công chúng theo hình thức bán đầu giá công khai qua Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Trách nhiệm của Tổ chức đấu giá:

- Yêu cầu Tổ chức phát hành cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về đợt đầu giá chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đầu giá và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động

- bán đấu giá theo quy định của quy chế này và các quy định hiện hành;
- Nhập lệnh tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá;
 - Thông báo về việc đăng ký làm đại lý đấu giá cho các công ty chứng khoán trước khi thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc bán đấu giá theo quy định. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với Đại lý đấu giá;
 - Thống nhất với Tổ chức phát hành và Tổ chức tư vấn về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá theo đúng quy định;
 - Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo quy định;
 - Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Tổ chức phát hành cung cấp thì Tổ chức thực hiện bán đấu giá chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;
 - Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo quy định và các vấn đề khác liên quan đến việc bán đấu giá cổ phiếu của các Đại lý đấu giá.
 - Tổng hợp, đối chiếu giữa kết quả đăng ký theo báo cáo của các Đại lý đấu giá với số lượng đăng ký trên hệ thống sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại nơi bán đấu giá và trên các phương tiện thông tin của Tổ chức thực hiện bán đấu giá về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phiếu đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đấu giá.
 - Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức.
 - Tổ chức thực hiện bán đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định.
 - Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá.
 - Phối hợp với Tổ chức phát hành công bố kết quả đấu giá cổ phiếu, hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế đấu giá và thu tiền mua cổ phiếu.
 - Gửi kết quả đấu giá cho các Đại lý đấu giá;
 - Chuyển tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm Quy chế đấu giá) vào tài khoản phong tỏa do Tổ chức phát hành cung cấp.
 - Chuyển tiền thu từ bán cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa do Tổ chức phát hành cung cấp.
 - Công bố thông tin về Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc bán cổ phiếu do Tổ chức phát hành cung cấp.
 - Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của Nhà đầu tư cho Tổ chức phát hành trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phiếu của Nhà đầu tư.

- Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến đấu giá chào bán cổ phiếu ra công chúng .

Nguyên tắc phân phối:

Nguyên tắc xác định kết quả đấu giá:

- Kết quả trúng đấu giá được xác định theo nguyên tắc lựa chọn giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng cổ phiếu chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.
- Trường hợp tại mức giá trúng thầu thấp nhất, có nhiều nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phiếu còn lại ít hơn tổng số cổ phiếu các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng thầu thấp nhất thì số cổ phiếu của từng nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\text{Số cổ phiếu nhà đầu tư được mua} = \text{Số cổ phiếu còn lại chào bán} \times \frac{\text{Số cổ phiếu từng nhà đầu tư đăng ký mua giá bằng nhau}}{\text{Tổng số cổ phiếu các nhà đầu tư đăng ký mua với giá bằng nhau}}$$

- Trường hợp còn dư cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.
- Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, Công ty cam kết không phân phối cho các công ty con đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”

Toàn bộ số cổ phiếu không bán đấu giá không thành công sẽ được Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Do thực hiện việc phân phối cổ phiếu ra công chúng theo hình thức bán đấu giá công khai, nên việc đăng ký mua cổ phiếu sẽ được thực hiện theo Quy chế bán đấu giá cổ phần chào bán ra công chúng Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh thực hiện tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ban hành sau khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng và thống nhất với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“sau đây gọi tắt là Quy chế bán đấu giá cổ phần”). Một số thông tin cơ bản về phương án bán đấu giá, cụ thể như sau:

- Giá khởi điểm bán đấu giá: 12.000 đồng/cổ phiếu
- Bước giá (dự kiến): 100 (Một trăm) đồng

- Bước khối lượng (dự kiến): 100 (Một trăm) cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu (dự kiến): 100 cổ phần và phải đăng ký theo bội số của 100 cổ phần
- Số mức giá: Mỗi nhà đầu tư được phát một Phiếu đấu giá và chỉ được ghi tối đa hai (02 mức giá) đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá; Mức giá đặt mua phải là bội số của 100 đồng; Khối lượng đặt mua tối thiểu là 100 cổ phần và đặt theo bội số của 100 cổ phần; Tổng khối lượng đặt mua của các mức giá đúng bằng tổng số cổ phần đã đăng ký.
- Thời hạn đăng ký tham gia đấu giá và đặt cọc: sẽ được nêu chi tiết tại Quy chế bán đấu giá cổ phần.
- Địa điểm làm thủ tục đăng ký, đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần: tại các Đại lý đấu giá
- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian tổ chức đấu giá: sẽ được nêu chi tiết tại Quy chế bán đấu giá cổ phần
- Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền cọc: sẽ được nêu chi tiết tại Quy chế bán đấu giá cổ phần.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong quý II năm 2022, sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Thời điểm dự kiến công bố Quy chế đấu giá: Dự kiến Quý II/2022 sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán.

Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	D
2	Nộp hồ sơ đăng ký bán đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.	D đến D+7
3	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D đến D+7
4	Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần và nộp tiền cọc	D + 10 đến D + 30
5	Nhà đầu tư bỏ phiếu tham dự đấu giá	D + 30 đến D + 40
6	Tổ chức đấu giá tại Sở giao dịch Chứng khoán	D + 41
7	Trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư không trúng giá	D + 42 đến D + 46

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
8	Nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần	D + 42 đến D + 51
9	Xử lý cổ phiếu không bán hết từ đợt chào bán (nếu có)	D+52 đến D+55
10	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy Ban chứng khoán Nhà nước	D + 56
11	Đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thành công	D + 60
12	Cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông	D + 60

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Toàn bộ cổ phiếu chào bán theo phương thức đấu giá công khai được tự do chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu không bán hết từ đợt chào bán hoặc đợt chào bán không thành công được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Số tài khoản: 118002650933
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ theo công văn 376/UBCK-PTTT ngày 21/07/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 100%.

Do vậy, trong mọi trường hợp, việc phát hành cổ phiếu của Công ty luôn luôn đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1 Đối với Công ty

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thuế giá trị gia tăng (VAT): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

14.2 Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 và có

hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2013:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân:

- Bao gồm thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức:

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phần như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phần = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
- Thuế suất = Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phần như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phần = Tổng giá trị cổ phần bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết:

- Cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- Cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.
- Cam kết tuân thủ các quy định Pháp luật liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không chào bán hết như sau:

Toàn bộ số cổ phiếu không bán hết từ đợt chào bán hoặc đợt chào bán không thành công sẽ được Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác quan tâm với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công bình quân.

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho Nhà đầu tư khác theo quyết định của Hội đồng quản trị bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt
Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích sau:

- Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng; nợ trái phiếu;....).
- Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước hoạt động sản xuất;...); và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty (chi phí nhân công;.....).

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 1.200.000.000.000 đồng, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán này sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích cụ thể như sau:

Bảng 40: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán dự kiến	Nguồn vốn đối ứng khác (nếu có)
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng, ...)	500.000.000.000		
	<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương</i>	46.710.226.127	<i>tháng 06; tháng 07 năm 2022</i>	<i>Không có</i>
	<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh SGD1</i>	22.856.108.604	<i>tháng 06; tháng 07 năm 2022</i>	<i>Không có</i>
	<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương</i>	337.146.475.699	<i>Từ tháng 06/2022 đến tháng 12/2022</i>	<i>Không có</i>
	<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex CN Hải Dương</i>	36.000.000.000	<i>Tháng 06/2022</i>	<i>Không có</i>
	<i>Ngân hàng TNHH MTV WOORI Việt Nam – chi nhánh Bắc Ninh</i>	57.287.189.570	<i>Tháng 09/2022</i>	<i>Không có</i>
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước hoạt động sản xuất;...); và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty (chi phí nhân công;.....).	700.000.000.000		
	<i>Mua hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, cước tàu; chi trả điện, nước hoạt động sản xuất;...)</i>	610.000.000.000	<i>Quý II/2022 đến Quý IV/2022</i>	<i>Không có</i>

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán dự kiến	Nguồn vốn đối ứng khác (nếu có)
	<i>Các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty (chi phí nhân công;.....).</i>	90.000.000.000	<i>Quý II/2022 đến Quý IV/2022</i>	<i>Không có</i>
	Tổng cộng	1.200.000.000.000		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

- (1) Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả và ưu tiên các khoản nợ tới hạn trước: 500.000.000.000 đồng
- (2) Mua hàng hóa; nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải, điện, nước hoạt động sản xuất,...): 610.000.000.000 đồng
- (3) Thanh toán các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (chi phí nhân công;.....): 90.000.000.000 đồng

Theo BCTC riêng 2021 đã kiểm toán, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ năm 2021 là 5.129 tỷ đồng, giá vốn hàng bán năm 2021 là 4.569 tỷ đồng, hơn nữa, Công ty đang trong quá trình mở rộng thị trường châu âu, châu úc, châu á nên chính sách thanh toán nói lỏng, mặt khác nguồn nguyên liệu của công ty chủ yếu từ nhập khẩu với chính sách thanh toán ít co giãn hơn dẫn đến nhu cầu vốn bù đắp vốn lưu động tăng cao. Vì vậy, nhu cầu sử dụng nguồn thu từ đợt tăng vốn để bù đắp vốn lưu động năm 2022 là 700 tỷ đồng là hoàn toàn khả thi, phù hợp nhu cầu thực tế của Công ty.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội

Điện thoại : (024) 3868 9566

Website : www.ey.com

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ : Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 024 3377 6699

Website : <https://sbsi.vn/>

3. Ý kiến của tổ chức tư vấn

Bản cáo bạch này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc chào bán chứng khoán ra công chúng của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh. Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers với tư cách là tổ chức tư vấn dựa vào các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh cung cấp, thực hiện tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng. Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh chịu toàn bộ trách nhiệm về thông tin có trong Bản cáo bạch này và xác nhận rằng:

- Bản cáo bạch này chứa đựng các thông tin liên quan đến Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh;
- Các tuyên bố về các sự kiện thực tế nêu trong Bản cáo bạch này là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn về mọi khía cạnh;
- Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh không bỏ sót bất kỳ sự kiện nào khác liên quan đến việc chào bán chứng khoán ra công chúng mà nếu sự kiện đó bị bỏ sót khỏi Bản cáo bạch này có thể làm cho bất kỳ tuyên bố nào trong Bản cáo bạch này bị hiểu sai về bất kỳ khía cạnh quan trọng nào.

Việc tổ chức tư vấn khẳng định rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng không được hiểu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers đưa ra bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính trung thực hay sự đầy đủ của bất kỳ thông tin nào trong Bản cáo bạch này.

Nhà đầu tư nên nghiên cứu kỹ các thông tin có trong Bản cáo bạch này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình để ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

[Hết nội dung tại trang này]

Hải Dương, ngày .13.. tháng .04.. năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



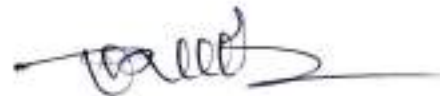
Phạm Anh Dương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thùy Vân



Nguyễn Lê Trung

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
STANLEY BROTHERS
HỒ CHÍ MINH
LƯƠNG ĐÀ T. P.

Nguyễn Quang Anh

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800373586 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 11/01/2022.
2. Điều lệ Công ty
3. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán
4. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán
5. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất quý 1 năm 2022 do Công ty tự lập
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 100101/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2022 thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán;
7. Nghị quyết HĐQT thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty số 110101/2022/NQ-HĐQT ngày 11/01/2022;
8. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất đã được kiểm toán